

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**



*(DỰ THẢO)*  
**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HĐQT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

**Thành phố Vinh, tháng 4 năm 2021**

# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Trách nhiệm pháp lý của HĐQT**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty, HĐQT ban hành quy chế hoạt động nhằm cụ thể hoá quyền và nghĩa vụ, chế độ phân công, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HĐQT. Trong quá trình hoạt động HĐQT sẽ điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT**

– HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty.

– HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động**

– Cơ cấu tổ chức: HĐQT gồm 05 thành viên: 01 Chủ tịch HĐQT; 04 uỷ viên.

– Việc phân công điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ, do HĐQT quyết định.

– Nhiệm kỳ Thành viên HĐQT là 05 năm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

#### **4.1. Tiêu chuẩn**

– Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 151 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan tại Điều lệ công ty.

– Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty.

4.2. Thành viên HĐQT không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4.1 Điều này và vi phạm quy định tại Điều 26 Khoản 3 Điều lệ công ty trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện;

d. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

e. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng

liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

f. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g. Cung cấp thông tin cá nhân sau khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 5. Người phụ trách quản trị Công ty**

5.1. **Chức năng:** Người phụ trách quản trị Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

#### **5.2. Nhiệm vụ:**

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **5.3. Thù lao và quyền lợi:**

– Người phụ trách quản trị Công ty được nhận một khoản thù lao nhất định do HĐQT quyết định và được cung cấp trang thiết bị phục vụ cho công việc và nhiệm vụ được giao. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của HĐQT theo qui định.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 6. Nhiệm vụ chung**

6.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

6.2. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.

6.3. Nhiệm vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định theo Điều 149 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp và Điều 27 Khoản 2 Điều lệ công ty.

#### **Điều 7. Quyết định chiến lược phát triển công ty, kế hoạch xây dựng phát triển SXKD**

7.1. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2% vốn sở hữu của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

7.2. Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới.

7.3. Quyết định phát triển thị trường.

7.4. Quyết định bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh.

#### **Điều 8. Kiện toàn tổ chức công ty**

8.1. Quyết định thành lập công ty con dưới dạng công ty TNHH 01 thành viên, quyết định góp vốn vào công ty TNHH 02 thành viên trở lên; cử người quản lý phần vốn góp của công ty vào công ty TNHH; mua cổ phần của các Công ty cổ phần; cử người quản lý cổ phần của công ty trong Công ty cổ phần.

8.2. Quyết định thành lập chi nhánh, VPĐD ở trong và ngoài nước.

8.3. Quyết định đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước dự kiến đầu tư và pháp luật quốc tế.

8.4. Ban hành mọi quy chế hoạt động của công ty.

8.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương các cán bộ quản lý quan trọng của công ty:

– Ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

– Phê duyệt và uỷ quyền cho Giám đốc:

+ Bổ nhiệm Trưởng, Phó phòng; Giám đốc công ty con, Trưởng chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước.

+ Cử những người quản lý phần vốn của công ty tại các công ty TNHH 02 thành viên trở lên, công ty cổ phần, những người quản lý phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

– Duyệt mức lương theo đề nghị của Giám đốc đối với Trưởng các đơn vị trực thuộc công ty.

– Có quyền đình chỉ, huỷ bỏ không điều kiện các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó đi ngược lại lợi ích của công ty, vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty.

#### **Điều 9. Các vấn đề tài chính và ngân sách**

– Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định việc mua lại dưới 10% số cổ phần đã chào bán của từng loại.

– Quyết định huy động vốn bằng các hình thức khác: Phát hành trái phiếu, Phát hành cổ phiếu, Vay vốn từ cổ đông, Vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

– Phê duyệt cơ chế tài chính công ty theo quy định pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm.

– Quyết định mức trích quỹ đầu tư phát triển hàng năm.

– Quyết định mức trích quỹ dự phòng tài chính.

– Quyết định mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

– Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

– Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.

– Quyết định bán cổ phần trên thị trường chứng khoán.

– Quyết định việc định giá tài sản góp vốn của công ty không phải là tiền, vàng, ngoại tệ.

## **Điều 10. Quy định về phê duyệt và ký kết hợp đồng**

HĐQT phê duyệt hoặc trực tiếp ký các loại hợp đồng:

- Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của công ty.
- Hợp đồng vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.
- Hợp đồng bán tài sản công ty có giá trị < 50% giá trị ghi trên sổ kế toán của công ty.
- Hợp đồng liên quan tới bất động sản: mua, bán nhà đất, góp vốn bằng QSH nhà, QSD đất, thuê nhà, đất, cho thuê nhà, đất, các hợp đồng xây dựng cơ bản.
- Hợp đồng thuê công ty kiểm toán, công ty dịch vụ pháp lý, và các dịch vụ khác.
- Chấp thuận bằng văn bản các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký với: thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và các hợp đồng của công ty ký với những người có liên quan của họ theo quy định tại Điều 87 Luật Doanh nghiệp.
- Giám sát việc ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho công ty.
- Phê duyệt các phương án tổ chức thực hiện các hợp đồng SXKD do Giám đốc trình.

## **Điều 11. Tổ chức ĐHĐCĐ**

- Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ hợp ĐHĐCĐ.
- Triệu tập hợp ĐHĐCĐ.
- Thực hiện thủ tục hỏi ý kiến bằng văn bản để ĐHĐCĐ ra quyết định.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

## **Điều 12. Các nhiệm vụ khác**

- Thực hiện giải quyết khiếu nại trong nội bộ công ty.
- Tiến hành hoà giải các tranh chấp giữa công ty với bạn hàng.
- Trực tiếp hoặc uỷ quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là công ty.

## **Chương III**

### **CHỦ TỊCH HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT**

## **Điều 13. Chủ tịch HĐQT**

HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT.

**\* Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:**

- Lập chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết HĐQT, ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền của HĐQT; phê duyệt các hợp đồng đề uỷ quyền cho Giám đốc ký kết.
- Là chủ tài khoản của công ty hoặc uỷ quyền cho Giám đốc giao dịch với ngân hàng trong phạm vi nhất định trong từng thời kỳ.

– Giám sát Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

– Giao việc chuẩn bị nội dung cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ cho Giám đốc điều hành công ty chỉ đạo thực hiện.

– Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

– Phân công thành viên HĐQT thẩm định và phê duyệt các loại hợp đồng quy định tại Điều 10 Quy chế này.

– Quyết định cử thành viên HĐQT, cán bộ thuộc quyền quản lý của HĐQT công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.

– Ủy quyền bằng văn bản cho 01 thành viên HĐQT khác chỉ đạo công việc của HĐQT khi Chủ tịch đi vắng.

– Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo qui chế này và Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

– Tổ chức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

+ Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.

+ Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp ĐHĐCĐ.

+ Thông báo biên bản kết quả kiểm phiếu, và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

#### **Điều 14. Thành viên HĐQT**

##### **14.1. Trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên HĐQT:**

– Ủy viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Không ủy quyền cho người khác.

– Ủy viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Ủy viên HĐQT phải dành thời gian thỏa đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất.

– Ủy viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc phiếu xin ý kiến.

– Ủy viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét một số vấn đề của công ty.

##### **14.2. Thành viên HĐQT thay thế:**

– Thành viên HĐQT có thể chỉ định 1 thành viên HĐQT khác để thay thế; hoặc chỉ định 1 người bất kỳ nào khác được HĐQT phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế. Việc chỉ định và bãi miễn phải bằng văn bản. Thành viên thay

thể có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT.

– Trường hợp thành viên HĐQT hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, công ty không bắt buộc gửi thông báo về các cuộc họp cho họ khi họ không có mặt tại Việt Nam.

– Thành viên thay thế phải từ bỏ tư cách thành viên HĐQT nếu người chỉ định mình không còn là thành viên của HĐQT. Nếu 1 thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này chỉ định trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

– Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình như một thành viên chính thức.

#### **14.3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:**

– Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc và bất kỳ cán bộ quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

– Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

#### **14.4. Bổ sung thành viên HĐQT:**

Khi số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại điều lệ công ty, thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **14.5. Thành viên kiêm nhiệm:**

Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 9 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

## **Chương IV HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 15. Các cuộc họp HĐQT**

15.1. HĐQT họp thường kỳ mỗi quý 1 lần vào một ngày mà chủ tịch HĐQT cho là thích hợp. Địa điểm họp HĐQT có thể ở trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác. Ngoài triệu tập họp HĐQT thường kỳ HĐQT có thể họp bất thường khi thấy cần thiết.

#### **15.2. Các cuộc họp bất thường:**

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và có các tài liệu cần thiết tới các thành viên HĐQT:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

### **15.3. Thời gian triệu tập họp HĐQT:**

– *Cuộc họp thường kỳ:* Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giao Người phụ trách quản trị Công ty lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp và thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo có thể bằng văn bản, Fax, thư điện tử, điện thoại.

– *Cuộc họp HĐQT bất thường:* Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điều 15 Khoản 15.2 Quy chế này.

### **15.4. Người triệu tập họp HĐQT:**

Người triệu tập họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT; trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp HĐQT.

### **15.5. Địa điểm họp HĐQT:**

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa điểm đã đăng ký của công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam do người triệu tập họp quyết định. HĐQT có thể tổ chức họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên HĐQT tham gia có thể nghe từng thành viên cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp. Các thành viên tham gia họp loại này được coi là có mặt nếu khẳng định được chữ ký của mình, kể cả chữ ký điện tử.

## **Điều 16. Cuộc họp HĐQT**

16.1. Cuộc họp được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT cử thay thế tham dự.

16.2. Chủ tọa cuộc họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không uỷ quyền thì các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp bầu 1 người làm chủ tọa cuộc họp.

### **16.3. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:**

– HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

– Chỉ có thành viên HĐQT hoặc người được thành viên HĐQT uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.

– Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên HĐQT dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ.

– Thành viên HĐQT vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản, Fax, thư điện tử tới cuộc họp HĐQT ít nhất 1 giờ trước giờ khai mạc.

– Thông qua nghị quyết HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành cuộc họp HĐQT bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch HĐQT để thông qua nghị quyết.

### **16.4. Những quyết định phải được HĐQT thông qua với đa số biểu quyết:**

– Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm;



- Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do HĐQT thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;
- Đề xuất việc tái cơ bản lại hoặc giải thể công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay bất kỳ các bộ quản lý hoặc người đại diện nào của công ty nếu HĐQT cho là vì lợi ích của công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo HĐ lao động của những người bị bãi nhiệm, nếu có;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Giải quyết các khiếu nại của công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.

#### **16.5. Biên bản cuộc họp HĐQT:**

- Người phụ trách quản trị Công ty làm thư ký ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp HĐQT vào sổ biên bản.
- Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.
- Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, và thư ký.
- Biên bản phải có các nội dung:
  - + Thời gian và địa điểm họp;
  - + Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - + Mục đích, Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - + Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;
  - + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - + Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;
  - + Các vấn đề đã được HĐQT thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
  - + Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.
- Biên bản phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HĐQT**

#### **Điều 17. Đảm bảo vật chất**

– HĐQT sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý công ty.

– Văn phòng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của HĐQT, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT tới Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành để phê duyệt và chỉ đạo giải quyết.

– Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong ban Giám đốc, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 18. Kinh phí hoạt động của HĐQT**

18.1. HĐQT được ĐHCĐ cho trích một khoản kinh phí đảm bảo hoạt động cho HĐQT, Khoản kinh phí này được quyết toán hàng năm trong báo cáo tài chính.

##### **18.2. Nguyên tắc chi tiêu:**

– Đảm bảo công việc quản lý bao gồm:

+ Chi phí các cuộc họp HĐQT, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của HĐQT.

+ Chi phí tìm kiếm thị trường: chi phí cho Thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài nước.

+ Chi phí tư vấn.

– Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

– Đảm bảo thù lao tương xứng cho các chức danh trong HĐQT.

18.3. Chủ tịch HĐQT quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của HĐQT.

##### **18.4. Thù lao cho các thành viên HĐQT**

Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của công ty quyết định.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

– Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế. Ban kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong công ty.

– Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản gửi Người phụ trách quản trị công ty để trình HĐQT xem xét quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**



*(DỰ THẢO)*

## **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

**Thành phố Vinh, tháng 4 năm 2021**

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....   | 3  |
| CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....   | 3  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....   | 3  |
| CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,<br>THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ...                | 4  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của<br>Công ty.....   | 4  |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....  | 4  |
| CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY   | 5  |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....  | 5  |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....  | 6  |
| CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....  | 6  |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....   | 6  |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....   | 7  |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....   | 7  |
| Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ<br>ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. .... | 7  |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....   | 7  |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần.....   | 8  |
| CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....   | 8  |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....   | 8  |
| CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....   | 9  |
| Điều 12. Quyền của cổ đông.....   | 9  |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....  | 10 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....   | 10 |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....  | 11 |
| Điều 16. Đại diện theo ủy quyền .....   | 13 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền .....   | 14 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 14 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 15 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 16 |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....  | 18 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định<br>của Đại hội đồng cổ đông .....                               | 18 |
| Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 20 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....   | 20 |
| CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....  | 21 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....  | 21 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....  | 22 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....   | 22 |
| Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....  | 24 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....  | 25 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....   | 25 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....   | 28 |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty .....   | 28 |
| CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....   | 29 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....  | 29 |
| Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp .....   | 29 |

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

|   |           |
|---|-----------|
| Điều 35. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)   | 30        |
| <b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</b>   | <b>32</b> |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên   | 32        |
| Điều 37. Kiểm soát viên   | 32        |
| Điều 38. Ban kiểm soát  | 33        |
| <b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> | <b>34</b> |
| Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng  | 34        |
| Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi  | 34        |
| Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường   | 35        |
| <b>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>   | <b>36</b> |
| Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ  | 36        |
| <b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>  | <b>36</b> |
| Điều 43. Công nhân viên và công đoàn  | 36        |
| <b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>   | <b>37</b> |
| Điều 44. Phân phối lợi nhuận  | 37        |
| <b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>   | <b>38</b> |
| Điều 45. Tài khoản ngân hàng  | 38        |
| Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ   | 38        |
| Điều 47. Năm tài chính  | 38        |
| Điều 48. Chế độ kế toán   | 38        |
| <b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>                                       | <b>38</b> |
| Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý  | 38        |
| Điều 50. Báo cáo thường niên  | 39        |
| <b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>  | <b>39</b> |
| Điều 51. Kiểm toán  | 39        |
| <b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU</b>   | <b>40</b> |
| Điều 52. Con dấu  | 40        |
| <b>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>   | <b>40</b> |
| Điều 53. Chấm dứt hoạt động   | 40        |
| Điều 54. Gia hạn hoạt động  | 40        |
| Điều 55. Thanh lý   | 40        |
| <b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>   | <b>41</b> |
| Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ   | 41        |
| <b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>  | <b>42</b> |
| Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ   | 42        |
| <b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>  | <b>42</b> |
| Điều 58. Ngày hiệu lực  | 42        |

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 11 tháng 4 năm 2021.

### **CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
  - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
  - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - j. "Công ty" là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;
  - k. "Địa chỉ liên lạc" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

**CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh.
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Petrolimex Nghe Tinh Transportation and Service Joint Stock Company.
- Tên Công ty viết tắt: PTS Nghệ Tĩnh
- Logo của công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Điện thoại: (0383) 851915
- Fax: (0383) 851886
- [E-mail]: ptsnghetinh@gmail.com
- Website: [www.ptsnghetinh.petrolimex.com.vn](http://www.ptsnghetinh.petrolimex.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên dùng vận tải và hàng hóa khác;
- Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật, đại tu sửa chữa, cải tạo nâng cấp xe máy;
- Kinh doanh đào tạo lái xe;
- Kinh doanh sửa chữa, bảo hành, lắp đặt thiết bị chuyên dùng xăng dầu;
- Kinh doanh đại lý môi giới bảo hiểm;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng kinh doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành và ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: mua, bán sách, văn phòng phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ: cho thuê xe ô tô tập lái;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh nước giặt Jana;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:

*Chi tiết:*

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;
- Lấy mẫu, quan trắc và giám sát môi trường;
- Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm lý hóa, vi sinh;
- Tư vấn lập: đề án khai thác nước ngầm, nước mặt và xả thải vào nguồn nước, các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Dịch vụ xử lý nước và môi trường, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
- Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư,



## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

- Điều hành tua du lịch;
  - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
  - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
  - Xuất nhập khẩu hàng hóa;
  - Trồng rừng và chăm sóc rừng;
  - Ngoài các nội dung, lĩnh vực kinh doanh trên đây, trong quá trình hoạt động, Công ty có thể mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh để đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài để đầu tư đổi mới công nghệ tạo thêm việc làm, phát triển Công ty.
  - Tạo điều kiện để người lao động trong Công ty có cổ phần và những người đã góp vốn được làm chủ thực sự, thay đổi phương thức quản lý, tạo động lực thúc đẩy Công ty kinh doanh có hiệu quả tăng tài sản Nhà nước, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 58.476.850.000 VNĐ (năm mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.847.685 cổ phần với mệnh giá là 10,000 VNĐ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty.

## **CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và CHƯƠNG IX. Điều 36 điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ,

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
  - e. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - f. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng được quyền chào bán;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
    - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
    - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
    - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
    - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
    - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
    - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
    - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho chủ tọa hoặc ban kiểm tra tư cách đại biểu cuộc họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ (48h) trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.



**Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được của Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong từng nội dung chương trình họp.

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [50%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, Mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời gian mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

đồng, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.



## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Thành viên HĐQT độc lập không được tham gia HĐQT quá 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
- p. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- q. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý và cán bộ công nhân viên của Công ty, các đơn vị của Công ty cung cấp các tài liệu, thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2% vốn sở hữu của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. [Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty].

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

### **11. Biểu quyết**

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc).



**Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty;

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 25 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu quyết định đó trái pháp luật hoặc trái với Điều lệ này và thông báo cho Ban kiểm soát biết;

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

j. Quyết định các phương án đầu tư tài chính, mua sắm thiết bị, phương tiện, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có giá trị dưới 20% vốn sở hữu của Công ty trong kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, các trường hợp đặc biệt phát sinh ngoài kế hoạch báo cáo Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

k. Quyết định mua sắm các trang thiết bị có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 2% vốn chủ sở hữu của Công ty ngoài kế hoạch phê duyệt hàng năm. Sau đó phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết trong cuộc họp gần nhất.

l. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc uỷ quyền cho giám đốc chi nhánh thực hiện đối với tất cả các chức danh khác còn lại trong Công ty;

m. Tuyển dụng, ký hợp đồng lao động theo định biên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị, chủ tịch HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

n. Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật và theo phân cấp của Hội đồng quản trị;

o. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Đề nghị Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình;

p. Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính và theo quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị;

q. Xây dựng quy chế về việc trích lập và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn; Báo cáo Hội đồng quản trị việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Công ty;

r. Đại diện cho Công ty để khởi kiện, bảo vệ quyền lợi hoặc đề nghị khởi tố trong các vụ án liên quan đến quyền lợi tài sản của Công ty;

s. Trong Trường hợp Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì vẫn được tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không được bỏ phiếu.

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- c. Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 38. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

g. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

h. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đề trình Hội đồng quản trị;

i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

j. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

k. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

l. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 39. Trách nhiệm cần trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

hiềm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.



## **CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

### **Điều 48. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận..
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CAO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết

## **Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh**

thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 50. Báo cáo thường niên**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

### **CHƯƠNG XVII. CON DẤU**

#### **Điều 52. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

### **CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 53. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 54. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu(06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

## ***Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh***

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác. Điều lệ Công ty, các qui định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty hay người điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

## **CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

## **CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
- c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

5. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị Công ty./.

1. Ông Mạnh Xuân Hùng

2. Ông Võ Anh Tuấn

3. Ông Đào Ngọc Tiến

*Điều lệ Công ty PTS Nghệ Tĩnh*

4. Ông Hoàng Văn Tuyên

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**



*(DỰ THẢO)*

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

**Thành phố Vinh, tháng 4 năm 2021**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

**Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được thành lập nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

## 6. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

a) Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội truyền thống theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức Đại hội theo hình thức trực tuyến, Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến. Công ty áp dụng tối đa các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện cho cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến một cách thuận tiện nhất.

b) Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tiếp.

c) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

– Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.

– Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

– Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

– Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.

– Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể và hướng dẫn cần thiết cho các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

## 7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

10. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

11. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

12. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

13. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

14. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

15. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty.

16. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

17. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

18. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo điểm **Error! Reference source not found.** hoặc điểm **Error! Reference source not found.** khoản 4 điều 14 Điều lệ Công ty.

19. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

20. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc

trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

21. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 20 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp được nêu rõ tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

22. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19 Điều lệ Công ty.

23. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty.

24. Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp; hoặc biểu quyết, bầu cử thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Kết quả bỏ phiếu điện tử cũng có giá trị như cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

25. Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bằng cách dùng tài khoản truy cập để đăng nhập và họp trực tuyến đúng chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được thông báo.

b) Cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp trực tuyến của Công ty thì được coi là cổ đông trực tiếp tham dự. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố xác thực khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm khi cổ đông để lộ các thông tin này.

c) Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử tới Ban thư ký Đại hội.

d) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống của tổ chức phát hành ấn định.

e) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông/đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

f) Cổ đông phải chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được Công ty thông báo.

26. Cách thức kiểm phiếu:

a) Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp ĐHĐCĐ và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

b) Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến:

– Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì các phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được coi là không tham gia biểu quyết và không được tính vào tổng số cổ phần khi kiểm phiếu.

– Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận và sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng trước thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

c) Đối với những trường hợp cần thiết và nếu cổ đông yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

27. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền cụ thể tại Khoản 7 Điều 20 Điều lệ Công ty.

28. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

29. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được Quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

Qui định tại Chương VII Hội đồng quản trị gồm từ Điều 25 đến Điều 32 Điều lệ Công ty.

### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

Qui định tại Chương IX Hội đồng quản trị gồm từ Điều 36 đến Điều 46 Điều lệ Công ty.

### **Điều 5. Giám đốc và Người điều hành khác**

Qui định tại Chương VIII Hội đồng quản trị gồm từ Điều 33 đến Điều 35 Điều lệ Công ty.

### **Điều 6. Các hoạt động khác**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã

được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan có gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

6. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

7. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Bản Quy chế này gồm 07 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /PTX-BC-BGD

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

*Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu!*

### **I. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020**

#### **1.1 Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 2020**

Trong năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến hầu hết các lĩnh vực như: Vận tải, xuất nhập khẩu, du lịch, sản xuất... và đang tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường thời gian tới. Tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu gây thiên tai, lũ lụt, sạt lở, diễn ra ở nhiều nơi của Việt Nam. Trong năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở hầu hết các quốc gia trên thế giới có sự sụt giảm lớn. Riêng Việt Nam chỉ đạt 2,8%, trong đó địa bàn Công ty PTS Nghệ Tĩnh hoạt động chính là Nghệ an tốc độ tăng trưởng chỉ đạt: 4,4%; Hà Tĩnh: 0,53%.

Công tác vận tải Lào trong năm cũng gặp nhiều khó khăn bởi tình hình tài chính của Petrolimex Lào, áp lực thiếu hụt đồng đôla. Bên cạnh đó là quy định cách ly cả người và phương tiện vận chuyên khi nhập cảnh, điều này cũng ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả vận tải của công ty trong năm 2020.

Trong năm, với việc Chính Phủ tiến hành hơn 08 lần điều chỉnh giảm giá liên tiếp với biên độ lớn, mặc dù Công ty đã cố gắng kiểm soát lượng tồn kho tối thiểu, tuy nhiên với sự điều chỉnh giảm giá với biên độ lớn đã ảnh hưởng rất nặng nề đến hiệu quả kinh doanh xăng dầu của Công ty.

Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng được sự quan tâm, hỗ trợ của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty PTC, đã tạo điều kiện cho PTS Nghệ Tĩnh hoàn thành các thủ tục vay qua công nợ với Tập đoàn và đã giải ngân từ tháng 8/2020 với lãi suất 6%/năm, tạo điều kiện để Công ty thanh toán các khoản vay dài hạn cho các ngân hàng với lãi suất cao góp phần giảm chi phí tài chính cho Công ty.



## 1.2. Những kết quả đạt được:

| TT        | Tên chỉ tiêu                  | ĐVT                  | KH 2020    | Thực hiện  |            | Tỷ lệ TH %2020 so với |         |
|-----------|-------------------------------|----------------------|------------|------------|------------|-----------------------|---------|
|           |                               |                      |            | 2019       | 2020       | 2019                  | KH 2020 |
| <b>I</b>  | <b>Sản lượng thực hiện</b>    |                      |            |            |            |                       |         |
| 1         | Vận tải                       | m <sup>3</sup> . km  | 58.041.000 | 67.594.147 | 55.765.141 | 82%                   | 96%     |
| 2         | Xăng dầu                      | m <sup>3</sup>       | 62.600     | 71.036     | 66.547     | 94%                   | 106%    |
| +         | Bán lẻ                        | m <sup>3</sup> . tấn | 45.200     | 49.312     | 47.583     | 96%                   | 105%    |
| +         | Bán buôn                      | ”                    | 15.800     | 19.865     | 17.267     | 87%                   | 109%    |
| +         | Nội dụng                      | ”                    | 1.600      | 1.859      | 1.697      | 91%                   | 106%    |
| 3         | Dầu mỡ nhờn                   | Lit                  | 127.471    | 134.794    | 131.330    | 97%                   | 103%    |
| 4         | Gas                           | Kg                   | 560.000    | 664.561    | 561.805    | 85%                   | 100%    |
| 5         | Bảo hiểm                      | Tr. đồng             | 1.476      | 1.360      | 1.466      | 108%                  | 99%     |
|           | <i>Bán lẻ</i>                 |                      | 226        | 200        | 769        | 385%                  | 340%    |
|           | <i>Nội dụng</i>               |                      | 1.250      | 1.160      | 697        | 60%                   | 56%     |
| 6         | Nước giặt                     | Can                  | 750        | 736        | 4.210      | 572%                  | 561%    |
| 7         | Đào tạo lái xe                | Học viên             | 9.875      | 11.459     | 10.600     | 93%                   | 107%    |
| +         | Học viên hạng A1              | Học viên             | 6.500      | 8.418      | 7.536      | 90%                   | 116%    |
| +         | Học viên hạng B               | Học viên             | 3.065      | 2.697      | 2.861      | 106%                  | 93%     |
| +         | Học viên hạng C               | Học viên             | 310        | 344        | 203        | 59%                   | 65%     |
| <b>II</b> | <b>Doanh thu hợp nhất</b>     | Tr. đồng             | 818.900    | 1.306.216  | 963.470    | 74%                   | 118%    |
| 3         | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | Tr. đồng             | 6.280      | 9.250      | 6.509      | 70%                   | 104%    |
| 4         | Lợi nhuận sau thuế            | Tr. đồng             | 5.030      | 7.264      | 5.178      | 71%                   | 103%    |
| 5         | Tổng giá trị đầu tư           | Tr. đồng             | 39.727     | 28.120     | 17.868     | 64%                   | 45%     |

Nhìn chung trong năm 2020, tuy môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng các chỉ tiêu của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

### 1.2.1. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas, bảo hiểm, nước giặt:

- Tổng sản lượng xăng dầu năm 2020 đạt: 66.547 m<sup>3</sup>, đạt 106% kế hoạch, giảm 6% so với cùng kỳ, trong đó:

- + Bán lẻ: 47.583 m<sup>3</sup>, đạt 105% kế hoạch, giảm 4% so với cùng kỳ
- + Bán buôn: 17.267 m<sup>3</sup>, đạt 109% kế hoạch, giảm 13% so với cùng kỳ
- + Bán nội dụng: 1.697 m<sup>3</sup>, đạt 106% kế hoạch, giảm 9% so với cùng kỳ.

Sản lượng xăng dầu sáng các phương thức bán tuy vượt kế hoạch đặt ra nhưng giảm so với năm 2019, chủ yếu đến từ các nguyên nhân sau:

+ Bán lẻ giảm 4% so với cùng kỳ là do trong năm 2020, đại dịch Covid -19 diễn ra phức tạp, các nước trên thế giới cũng như Việt Nam áp dụng các biện pháp hạn chế đi lại, cách ly... nên ảnh hưởng hầu hết đến các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam làm cho nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu giảm. Ngoài ra trong tháng 9, tháng 10 thời tiết các tỉnh Miền Trung diễn biến phức tạp: mưa lớn, lũ lụt, sạt lở...ảnh hưởng lớn đến nhu cầu đi lại, hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân cũng dẫn đến tiêu thụ nhiên liệu giảm sút.

+ Về sản lượng bán buôn giảm 13% so với cùng kỳ, ngoài việc ảnh hưởng của đại dịch covid 19, thì từ đầu năm 2020, Công ty cũng chủ động cắt giảm nhiều đại lý, khách hàng công nghiệp có công nợ dây dưa, hiệu quả kinh doanh không cao, điều này cũng đã kéo theo sự sụt giảm về sản lượng bán buôn, đại lý của Công ty trong năm 2020.

+ Sản lượng nội dụng giảm 9% so với cùng kỳ đến từ việc sản lượng vận tải của Công ty trong năm có sự sụt giảm lớn.

- Tổng sản lượng dầu mỡ nhờn: 131.330 lít, đạt 103% kế hoạch, giảm 3% so với cùng kỳ:

Sản lượng dầu nhờn có sự giảm sút lớn, chủ yếu do gặp phải sự cạnh tranh lớn từ nhiều hãng dầu trên địa bàn. Các cửa hàng xăng dầu chưa phát triển và mở rộng được thị trường. Trong khi cơ chế thị trường và giá bán các mặt hàng dầu nhờn của Petrolimex luôn cao hơn các hãng khác nên việc lôi kéo khách hàng gặp nhiều khó khăn.

- Sản lượng Gas đạt: 561.804 kg, đạt 100% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ. Sản lượng Gas có sự sụt giảm lớn chủ yếu đến từ các nguyên nhân:

+ Giá gas Petrolimex cao hơn nhiều so với các hãng khác trên địa bàn nên việc mở rộng phát triển khách hàng gặp khó khăn, đặc biệt là thị trường vùng nông thôn.

+ Ảnh hưởng lớn từ đại dịch và Nghị định 100/CP về phòng chống tác hại của rượu bia làm cho sản lượng là đối tượng: Nhà hàng, khách sạn giảm sút.

- Doanh thu bảo hiểm đạt 1.466 triệu đồng, đạt 99% so KH, tăng 8% so với cùng kỳ;

- Sản lượng nước giặt đạt 4.210 can, đạt 561% KH, tăng 472% so với cùng kỳ.

Lĩnh vực bảo hiểm và nước giặt có sự tăng trưởng lớn đến từ việc Công ty giao kế hoạch bán hàng và tiêu thụ đến từng lao động.

### **1.2.2 Lĩnh vực vận tải xăng dầu:**

- Tổng sản lượng vận tải năm 2020 đạt: 55.765.141 m<sup>3</sup>km, đạt 96% kế hoạch, giảm 18% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Vận tải Lào: 12.379.966 m<sup>3</sup>km, đạt 97% KH, giảm 43% so với cùng kỳ.

+ Vận tải nội địa: 32.398.176 m<sup>3</sup>km, tăng 6% KH, tăng 2% so với cùng kỳ.

+ Vận tải thuê ngoài: 5.452.203 m<sup>3</sup>km, đạt 79% KH, tăng 16% so với cùng kỳ.

**- Sản lượng vận tải Lào giảm so cùng kỳ chủ yếu do các nguyên nhân sau:**

+ Sản lượng vận tải cho Công ty Petrolimex Lào: 5.580.633 m<sup>3</sup>.km, đạt 78% kế hoạch, giảm 59% so với cùng kỳ.

+ Công ty Quân Đội Lào đạt 1.168.315 m<sup>3</sup>km, đạt 59% kế hoạch và giảm 53% so với cùng kỳ.

+ Sản lượng vận tải Tổng Công ty xăng dầu Lào - Chi Nhánh Xiengkhoang đạt 5.631.018 m<sup>3</sup>km, đạt 156% kế hoạch, tăng 2% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân giảm sút mạnh của vận chuyển tái xuất Lào do ảnh hưởng dịch Covid - 19 nên các nước có các biện pháp chống dịch dẫn đến các thủ tục qua cửa khẩu khó khăn. Có những thời điểm cấm không được thông quan. Cùng với đó, ảnh hưởng của dịch Covid - 19 làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu năm 2020 của nước bạn Lào giảm mạnh. Tháng 12, Công ty Quân đội Lào không có nhu cầu vận chuyển tái xuất (so với các năm khác Công ty Quân đội Lào chủ yếu tập trung vận chuyển trong quý 4, đặc biệt là tháng 12). Nhu cầu tiêu thụ sản lượng tại thị trường Vienchan của PLL giảm mạnh, chỉ đạt 46% KH, giảm 80% so với cùng kỳ (đây là thị trường mà Công ty thường xuyên vận chuyển). Ngoài ra tình hình kinh doanh của Công ty PLL còn gặp nhiều khó khăn, lượng công nợ của khách hàng còn lớn, thường xuyên chậm trả cước cho các đơn vị vận tải.

**- Sản lượng vận tải nội địa năm 2020:**

Sản lượng vận tải nội địa giảm so với cùng kỳ là do các nguyên nhân chủ yếu như sau:

+ Do ảnh hưởng chung của dịch Covid - 19 nên thị trường tiêu thụ trong nước cũng như nước ngoài đều tụt giảm.

+ Sản lượng của Công ty PTS Nghệ Tĩnh vận chuyển mặt hàng nhiên liệu Jet A-1 cho Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) chỉ đạt 72% kế hoạch, giảm 41% so với cùng kỳ. Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 nên lĩnh vực hàng không giảm mạnh về tần suất bay, mặt khác đối tác cũng sử dụng thêm 03 phương tiện của Công ty Phúc An làm chia sẻ thị phần.

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Nghệ An đạt 6.567.916 m<sup>3</sup>km, đạt 97% KH và giảm 17% m<sup>3</sup>km so với cùng kỳ; đạt 106% m<sup>3</sup> và 117% m<sup>3</sup>km chỉ tiêu KH. Đạt được sản lượng này do năm 2020 có vận chuyển khách Xi măng Tân Thắng và tái xuất tàu biển tăng cao so với cùng kỳ. Tuy nhiên vận chuyển cho các cửa hàng bán lẻ giảm 6% m<sup>3</sup>km so với cùng kỳ, đạt 97% kế hoạch.

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh: 7.226.405 m<sup>3</sup>km, đạt 101% kế hoạch, giảm 1% so với cùng kỳ. Trong đó khách đại lý, bán buôn: đạt 128% kế hoạch, tăng 29% so với cùng kỳ về m<sup>3</sup>km. Sản lượng khách đại lý tăng cao so với cùng kỳ do phát sinh một số khách mới như: Công ty Đức Thuận, Sơn Phú, Hữu Quyền và xi măng Nghi Sơn phát sinh nhu cầu vận chuyển tăng cao hơn so với năm trước.

+ Sản lượng vận chuyển công ty xăng dầu Thanh Hóa đạt 15.520.372 m<sup>3</sup>km, đạt 113% kế hoạch, tăng 10% so với cùng kỳ là do năm 2020 Công ty xăng dầu Thanh Hóa lấy hàng tại kho Nghi hương và kho Bến Thủy nhiều hơn, do thời điểm dịch Covid - 19, kho Nghi Sơn hạn chế cấp hàng.

+ Sản lượng vận chuyển Quảng bình: 225.480 m<sup>3</sup>km, đạt 57% kế hoạch, giảm 43% so với cùng kỳ. Sản lượng vận chuyển đạt thấp do khách hàng chủ yếu vận chuyển từ Đà Nẵng và Huế.

+ Vận chuyển nội bộ PTS: 2.858.003 m<sup>3</sup>km, đạt 107% kế hoạch, giảm 5% so với cùng kỳ.

### 1.2.3. Lĩnh vực đào tạo sát hạch lái xe và các lĩnh vực khác

- Số lượng học viên năm 2020 đạt 10.600 học viên, tăng 7% so với kế hoạch, giảm 7% so với cùng kỳ 2019. Trong đó:

+ Đào tạo sát hạch xe máy: Hạng A1 7.536 học viên, đạt 116% so với kế hoạch và giảm 10% so với cùng kỳ năm 2019.

+ Đào tạo sát hạch ô tô hạng B đạt 2.861 học viên trong đó: Hạng B1 1.055 học viên, hạng B2 1.811 học viên, đạt 93% kế hoạch, tăng 6% so cùng kỳ năm 2019

+ Đào tạo sát hạch xe tải hạng C đạt 203 học viên, đạt 65% so với kế hoạch và giảm 41% so với cùng kỳ năm 2019.

Công tác tuyển sinh đào tạo lái xe gặp khá nhiều thuận lợi trong năm 2020, khi số lượng hồ sơ tuyển sinh trong năm đang vượt khá lớn lưu lượng được đào tạo. Tuy nhiên trong năm 2020, công tác đào tạo và thi sát hạch cũng bị ảnh hưởng lớn, nhiều thời điểm phải dừng đào tạo do yêu cầu bắt buộc của Nhà nước trong biện pháp cách ly phòng dịch.

### 3. Kết quả kinh doanh các loại hình năm 2020:

| TT         | Chỉ tiêu                                  | ĐVT         | KH 2020        | TH 2019          | TH 2020        | % thực hiện so với |             |
|------------|---|-------------|----------------|------------------|----------------|--------------------|-------------|
|            |   |             |                |                  |                | 2019               | KH 2020     |
| <b>II</b>  | <b>Tổng doanh thu, thu nhập</b>           | <b>Tr.đ</b> | <b>818.900</b> | <b>1.306.216</b> | <b>963.470</b> | <b>74%</b>         | <b>118%</b> |
| <b>1</b>   | <b>Doanh thu thuần bán hàng, dịch vụ</b>  | <b>Tr.đ</b> | <b>818.400</b> | <b>1.305.250</b> | <b>963.038</b> | <b>74%</b>         | <b>118%</b> |
|            | <b>Trong đó</b>                           | <b>Tr.đ</b> |                |                  |                |                    |             |
| <b>a</b>   | <i>Doanh thu bán hàng, dịch vụ ngoài</i>  | <b>Tr.đ</b> | 786.199        | 1.264.174        | 930.583        | 74%                | 118%        |
| 1,1        | Xăng dầu                                  | <b>Tr.đ</b> | 656.765        | 1.101.142        | 793.131        | 72%                | 121%        |
| 1,2        | Dầu nhờn                                  | <b>Tr.đ</b> | 4.171          | 5.870            | 6.394          | 109%               | 153%        |
| 1,3        | Gas                                       | <b>Tr.đ</b> | 11.185         | 15.376           | 12.971         | 84%                | 116%        |
| 1,4        | Vận tải                                   | <b>Tr.đ</b> | 92.290         | 114.481          | 90.142         | 79%                | 98%         |
| 1,5        | Đào tạo lái xe                            | <b>Tr.đ</b> | 20.101         | 26.561           | 27.140         | 102%               | 135%        |
| 1,6        | Khác                                      | <b>Tr.đ</b> | 1.688          | 744              | 806            | 108%               | 48%         |
| <b>b</b>   | <i>Doanh thu bán hàng, dịch vụ nội bộ</i> | <b>Tr.đ</b> | 32.201         | 41.077           | 32.454         | 79%                | 101%        |
| <b>2</b>   | <b>Doanh thu từ HĐ tài chính</b>          | <b>Tr.đ</b> | <b>150</b>     | <b>274</b>       | <b>66</b>      | <b>24%</b>         | <b>44%</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Thu nhập khác</b>                      | <b>Tr.đ</b> | <b>350</b>     | <b>691</b>       | <b>366</b>     | <b>53%</b>         | <b>105%</b> |
| <b>III</b> | <b>Tổng chi phí</b>                       | <b>Tr.đ</b> | <b>812.620</b> | <b>1.296.966</b> | <b>956.960</b> | <b>74%</b>         | <b>118%</b> |

|           |                                |             |              |              |              |            |             |
|-----------|--------------------------------|-------------|--------------|--------------|--------------|------------|-------------|
| 1         | Giá vốn                        | Tr.đ        | 734.167      | 1.200.289    | 871.329      | 73%        | 119%        |
| 2         | Chi phí bán hàng               | Tr.đ        | 47.172       | 57.190       | 53.147       | 93%        | 113%        |
| 3         | Chi phí quản lý                | Tr.đ        | 20.988       | 26.540       | 23.564       | 89%        | 112%        |
| 4         | Chi phí tài chính              | Tr.đ        | 10.043       | 12.725       | 8.803        | 69%        | 88%         |
| 5         | Chi phí khác                   | Tr.đ        | 250          | 221          | 116          | 53%        | 46%         |
| <b>IV</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>    | <b>Tr.đ</b> | <b>6.280</b> | <b>9.250</b> | <b>6.509</b> | <b>70%</b> | <b>104%</b> |
| 4,1       | Vận tải                        | Tr.đ        | 2.020        | 2.945        | 740          | 25%        | 37%         |
| 4,2       | Xăng dầu                       | Tr.đ        | 1.680        | 2.928        | 1.231        | 42%        | 73%         |
| 4,3       | Dầu nhờn                       | Tr.đ        | 30           | 62           | 95           | 155%       | 318%        |
| 4,4       | Gas                            | Tr.đ        | 90           | 184          | 155          | 84%        | 173%        |
| 4,5       | Đào tạo lái xe                 | Tr.đ        | 2.210        | 2.360        | 3.950        | 167%       | 179%        |
| 4,6       | Khác                           | Tr.đ        | 250          | 771          | 337          | 44%        | 135%        |
| <b>V</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>Tr.đ</b> | <b>5.030</b> | <b>7.264</b> | <b>5.178</b> | <b>71%</b> | <b>103%</b> |
| VI        | Tỷ suất LN/vốn ĐLệ BQ          | %           | 8,6          | 14,6         | 8,9          | 61%        | 103%        |
| VII       | Tỷ suất LN/vốn Đtr BQ của CSH  | %           | 7,0          | 11,3         | 7,0          | 62%        | 100%        |
| VIII      | Tỷ lệ trả cổ tức               | %           | 8            | 10           | 8            | 80%        | 100%        |
| IX        | Tổng PS phải nộp NSNN          | Tr.đ        | 6.000        | 6.426        | 9.680        | 151%       | 161%        |
| X         | Tổng quỹ lương                 | Tr.đ        | 33.660       | 44.364       | 40.098       | 90%        | 119%        |
| X         | Tổng số LĐ đến cuối kỳ báo cáo | Người       | 428          | 414          | 420          | 101%       | 98%         |
| XII       | Thu nhập BQ (1000đ/ng/th)      | Tr.đ        | 6,6          | 8,7          | 8,0          | 91%        | 120%        |
| XIII      | Vốn điều lệ                    | Tr.đ        | 58.478       | 58.478       | 58.478       | 100%       | 100%        |
| XIV       | Giá trị đầu tư trong kỳ        | Tr.đ        | 39.727       | 28.120       | 17.868       | 64%        | 45%         |

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là: 6.509 triệu đồng, giảm 2.741 triệu đồng, chỉ bằng 70% so với cùng kỳ năm 2019; đạt 104% so với kế hoạch 2020;

Lợi nhuận năm 2020 giảm là do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận kinh doanh xăng dầu: 1.231 triệu đồng, giảm 1.697 triệu đồng chỉ bằng 42% so với năm 2019 do:
  - Lãi gộp xăng dầu giảm 7.741 triệu so với năm 2019 trong đó:
    - + Sản lượng bán buôn và bán lẻ đều giảm so với năm 2019 làm lãi gộp xăng dầu giảm 4.457 triệu so với năm 2019.
    - + Chiết khấu xăng dầu giảm làm giảm lãi gộp xăng dầu 3.284 triệu đồng so với năm 2019;
    - Tổng chi phí kinh doanh xăng dầu năm 2020 giảm 6.044 triệu đồng so với năm 2019 do các chi phí sau:
      - + Chi phí tài chính giảm do lãi suất ngân hàng giảm làm giảm chi phí tài chính là 1.156 triệu so với năm 2019;
      - + Chi phí bán hàng giảm 3.625 triệu đồng so với năm 2019 là do sản lượng giảm và do Công ty đã tiết giảm các chi phí do dịch bệnh Covid để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty;
      - + Chi phí quản lý phân bổ giảm 1.263 triệu đồng so với năm 2019 do sản lượng bán hàng giảm và tiết giảm các chi phí quản lý;

Như vậy do sản lượng bán giảm và chiết khấu xăng dầu giảm làm giảm lãi gộp, đồng thời chi phí kinh doanh giảm nhưng do lãi gộp giảm cao hơn chi phí giảm nên lợi nhuận xăng dầu năm 2020 giảm 1.697 triệu so với năm 2019;

- Lợi nhuận kinh doanh vận tải năm 2020 là 740 triệu đồng, giảm 2.205 triệu đồng so với 2019, tức chỉ bằng 25% so với năm 2019.

- Doanh thu vận tải năm 2020 là 95.471 triệu đồng; do sản lượng vận tải giảm và đơn giá cước giảm làm doanh thu vận tải giảm 25.113 triệu đồng so với năm 2019 cụ thể:

- + Sản lượng vận chuyển giảm làm giảm doanh thu 20.251 triệu so với năm 2019;

- + Đơn giá cước giảm làm giảm doanh thu 4.862 triệu so với năm 2019;

- Chi phí kinh doanh vận tải năm 2020 là 94.731 triệu đồng, giảm 22.908 triệu đồng so với năm 2019 là do:

- + Chi phí kinh doanh giảm 19.411 triệu đồng so với năm 2019 do sản lượng vận tải giảm;

- + Chi phí tài chính phân bổ giảm 2.079 triệu đồng so với năm 2019 là do lãi suất vay ngân hàng giảm và do dư nợ phải thu giảm;

- + Chi phí quản lý phân bổ giảm 1.418 triệu so với năm 2019 là do sản lượng vận tải giảm và tiết kiệm các chi phí quản lý;

Như vậy do sản lượng vận tải giảm làm giảm doanh thu và chi phí kinh doanh, nhưng do doanh thu giảm mạnh nên lợi nhuận kinh doanh vận tải giảm so với năm 2019 là 2.205 triệu đồng, mặc dù đã giảm các chi phí kinh doanh rất nhiều;

- Lợi nhuận kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe năm 2020 là 3.950 triệu đồng, tăng 1.590 triệu đồng, tương ứng tăng 67% so với năm 2019 là do số lượng học viên tăng và doanh thu dịch vụ tăng so với năm 2019. Tổng doanh thu năm 2020 của Trung tâm năm 2020 là 27.160 triệu đồng, tăng 600 triệu đồng so với năm 2019, tức là tăng 2%. Doanh thu Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe tăng chủ yếu do doanh thu dịch vụ cho thuê xe, sân tăng;

- Chi phí kinh doanh năm 2020 của Trung Tâm là 23.211 triệu đồng, giảm 990 triệu đồng so với năm 2019 chủ yếu là do chi phí tài chính giảm 609 triệu đồng do nguồn vốn nợ phải trả của Trung Tâm ngày càng giảm và lãi vay phân bổ giảm; các chi phí dịch vụ mua ngoài khác giảm 381 triệu đồng so với năm 2019;

Như vậy do doanh thu tăng 600 triệu đồng và chi phí giảm 990 triệu đồng so với năm 2019 đã làm cho lợi nhuận của Trung tâm tăng 1.590 triệu đồng so với năm 2019;

- Lợi nhuận kinh doanh gas và dầu nhờn năm 2020 là 250 triệu đồng, tăng 4 triệu đồng so với thực hiện năm 2019;

- Lợi nhuận xưởng và cột bơm năm 2020 là 43 triệu đồng, tăng 15 triệu đồng so

với năm 2019 do doanh thu sửa chữa ngoài xưởng có tăng so với năm 2019;

- Thu nhập khác năm 2020 là 294 triệu đồng, giảm 434 triệu đồng so với năm 2019 là do năm 2019 công ty có thanh lý phương tiện vận tải.

## II. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

### 2.1. Tình hình tài sản của Công ty:

**2.1.1 Giá trị tài sản Công ty thời điểm 31/12/2020 là 221.070 triệu đồng, giảm 32.929 triệu đồng so với đầu năm 2020, tỷ lệ giảm 13% so với đầu năm 2020:**

Trong đó gồm:

**+ Tài sản ngắn hạn: 48.146 triệu đồng**

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 2.271 triệu đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 25.773 triệu đồng
- Hàng tồn kho: 15.315 triệu đồng
- Tài sản ngắn hạn khác: 4.787 triệu đồng

**+ Tài sản dài hạn: 172.924 triệu đồng**

- Giá trị còn lại của tài sản cố định: 155.885 triệu đồng
- Xây dựng cơ bản dở dang: 4.379 triệu đồng
- Tài sản dài hạn khác: 12.660 triệu đồng

### 2.1.2 Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

**+ Vốn chủ sở hữu: 75.615 triệu đồng**

- Vốn điều lệ: 58.477 triệu đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu: 326 triệu đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 11.634 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 5.178 triệu đồng

**+ Nợ phải trả: 145.455 triệu đồng**

- Nợ phải trả ngắn hạn: 143.084 triệu đồng
- Nợ dài hạn: 2.371 triệu đồng

### 2.2. Phân tích các chỉ tiêu:

| TT | Chỉ tiêu cơ cấu vốn, tài sản          | Đơn vị tính | TH năm 2020 | TH Năm 2019 |
|----|---------------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| 1  | <b>Cơ cấu tài sản</b>                 |             |             |             |
|    | - Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản        | %           | 78,2        | 72,1        |
|    | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản       |             | 21,8        | 27,9        |
| 2  | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>               |             |             |             |
|    | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn          | %           | 65,8        | 69,8        |
|    | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn |             | 34,2        | 30,2        |
| 3  | <b>Hệ số nợ</b>                       |             |             |             |
|    | Hệ số nợ/ tổng tài sản                |             | 0,66        | 0,70        |
|    | Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu               |             | 1,92        | 2,30        |
|    | Hệ số nợ ngân hàng/ vốn chủ sở hữu    |             | 0,37        | 2,8         |

Qua các chỉ tiêu trên thì tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn chiếm 78,2%, tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 21,8% tổng tài sản. Nguồn vốn chủ yếu là vốn vay và nợ phải trả chiếm 65,8% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 34,2% tổng nguồn vốn.

+ Khả năng thanh toán:

+ Khả năng sinh lời:

| TT | Chỉ tiêu                                     | Đơn vị tính | TH năm 2020 | TH Năm 2019 |
|----|--|-------------|-------------|-------------|
| 1  | - Khả năng thanh toán nhanh                  | Lần         | 0,23        | 0,30        |
|    | - Khả năng thanh toán hiện hành              |             | 0,34        | 0,44        |
| 2  | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                     | %           |             |             |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu Thuần |             | 0,56        | 0,57        |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  |             | 7           | 11          |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    |             | 2,34        | 2,86        |
|    | - Hệ số LN từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần  |             | 0,67        | 0,69        |

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.847.685 cổ phiếu

+ Cổ tức lợi nhuận được chia cho các cổ đông: 8% (800 đồng/cổ phần)

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Trong năm 2020 tổng giá trị đầu tư của Công ty là: 17.868 triệu đồng.

Đầu tư thêm các hạng mục cửa hàng xăng dầu Hiến Sơn 3.331 triệu đồng; CHXD Hiến Sơn, Đường N5 (QL7C), xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng trong tháng 2 năm 2020.

Thực hiện đầu tư mua 03 xe sitec với giá trị đầu tư là 6.967 triệu đồng.

Đầu tư mua sắm sửa chữa nâng cấp các cửa hàng xăng dầu: 1.427 triệu đồng

Đầu tư kho lưu trữ văn phòng và các phần mềm quản lý khác là 731 triệu đồng

Đầu tư cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe là 3.848 triệu bao gồm mua xe sát hạch là 2,350 triệu; sửa chữa và mua sắm thiết bị là 1.498 triệu;

Đầu tư bãi tập xe Hưng Đông là 1.563 triệu đồng

- Đang làm thủ tục đầu tư xây dựng các CHXD gồm: Hưng Đông mới (đường 72 m, xã Hưng Đông thành phố Vinh, đến giai đoạn thuê đất), CHXD Thạch Sơn (huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đến giai đoạn đấu nối giao thông), CHXD Nam Phúc (tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

- Đang làm thủ tục xin mở rộng bãi tập xe tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (diện tích đất xin mở rộng thêm khoảng 5.000 m<sup>2</sup> nâng tổng diện tích 11.500 m<sup>2</sup>).

- Đang làm thủ tục xin mở rộng CHXD Nghi Hoa, đường tránh thành phố Vinh, xã Nghi Hoa, Nghi Lộc, Nghệ An (Chuẩn bị xây dựng)



- Đang phối hợp với Công ty PA để làm thủ tục xin đầu tư xây dựng kho nhiên liệu bay Jet A1 tại khu đất phía sau văn phòng Công ty (đến giai đoạn lập, thẩm định phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng).

- Đã hoàn thành quy hoạch sau văn phòng Công ty. Chỉ thực hiện xây dựng các kho vật tư để; dầu mỡ nhờn, cột bom, vật tư khác của Công ty.

#### IV/ KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

##### 4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

| TT | Tên chỉ tiêu                  | ĐVT                     | KH 2021           | % KH 2021 so với TH 2020 |
|----|-------------------------------|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| 1  | Sản lượng thực hiện           |                         |                   |                          |
| -  | <b>Xăng dầu</b>               | <b>m<sup>3</sup></b>    | <b>65.410</b>     | <b>98%</b>               |
| +  | Bán lẻ                        | m <sup>3</sup>          | 45.950            | 97%                      |
| +  | Bán buôn, đại lý              | m <sup>3</sup>          | 17.700            | 103%                     |
| +  | Nội dụng                      | m <sup>3</sup>          | 1.760             | 104%                     |
| -  | <b>Dầu mỡ nhờn</b>            | <b>Lít</b>              | <b>130.000</b>    | <b>99%</b>               |
| -  | <b>Gas</b>                    | <b>Tấn</b>              | <b>605</b>        | <b>108%</b>              |
| -  | <b>Vận tải</b>                | <b>m<sup>3</sup>.km</b> | <b>58.048.708</b> | <b>104%</b>              |
| -  | <b>Đào tạo lái xe</b>         | <b>Học viên</b>         | <b>9.141</b>      | <b>86%</b>               |
| +  | Học viên A1                   | Học viên                | 6.000             | 80%                      |
| +  | Học viên B                    | Học viên                | 2.807             | 98%                      |
| +  | Học Viên C                    | Học viên                | 334               | 165%                     |
| 2  | Doanh thu hợp nhất            | Tr.đồng                 | 1.031.022         | 107%                     |
| 3  | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | Tr.đồng                 | 7.751             | 119%                     |
| 4  | Tỷ lệ chia cổ tức             | %                       | 10                | 125%                     |
| 5  | Tổng giá trị đầu tư           | Tr.đồng                 | 82.100            | 459%                     |

##### 4.2. Một số giải pháp chủ yếu:

- Tổ chức quyết liệt công tác kinh doanh Gas, dầu mỡ nhờn, bảo hiểm, phấn đấu gia tăng sản lượng bán ra. Chú trọng các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng truyền thống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác vận tải, các cửa hàng bán lẻ nhằm nâng cao chất lượng vận tải, chi phối thị trường vận tải cũng như nâng cao chất lượng phục vụ tại các cửa hàng bán lẻ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quản lý các đơn vị, quản lý dòng tiền. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài chính, bảo toàn tốt và phát triển vốn, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Nắm bắt tốt thông tin thị trường, kịp thời đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời điểm.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong SXKD, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, nhằm phát huy sở trường, năng lực của mỗi người, tạo nguồn cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Doanh nghiệp.

- Xây dựng lại phương án khoán tại các bộ phận nhằm kích thích người lao động gia tăng sản lượng, tăng năng suất lao động so với mặt bằng chung của Tập đoàn.

- Khảo sát lại các cung đường hiện tại và các cung đường mới để xây dựng lại định mức kinh tế kỹ thuật về nhiên liệu và xăng lớp ô tô.

- Xây dựng các chương trình đào tạo về chuyên môn cũng như nhận thức cho công nhân lái xe và công nhân bán hàng trong điều kiện kinh doanh đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao và phát triển thương hiệu cho Công ty.

## **V. KẾT LUẬN**

Trong năm 2020, tuy gặp phải nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid -19, cũng như sự cạnh tranh lớn trên thị trường nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả nhất định. Trong năm 2021, dự kiến sự cạnh tranh trên thị trường còn lớn hơn, nhiều yếu tố khách quan sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự phối hợp chặt chẽ sức mạnh trong hệ thống Petrolimex, Công ty PTS Nghệ Tĩnh sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

Trân trọng cảm ơn!

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Số: /PTX-BC-BKS

TP Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH NĂM 2020**

- Kính thưa:**
- Các Quý vị đại biểu
  - Các Quý vị cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

**PHẦN I  
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát Công ty PTS Nghệ Tĩnh gồm 3 thành viên:

1. Ông Trần Anh Tuấn – Trưởng ban
2. Ông Trần Thanh Sơn – Kiểm soát viên
3. Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm soát viên

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị (HDQT), các quy định pháp lý hiện hành. Trong năm 2020 BKS đã triển thực hiện các công việc sau:

- BKS đã xây dựng chương trình kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HDQT, đưa ra kiến nghị với HDQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, rà soát công nợ khách hàng, chi phí kinh doanh, lao động tiền lương và thực hiện kế hoạch đầu tư, và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty.

## PHẦN II

### KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

#### I. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Ban kiểm soát thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

#### Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính:

| STT        | Chỉ tiêu                      | ĐVT    | 31/12/2020     | 31/12/2019     |
|------------|-------------------------------|--------|----------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng tài sản</b>           |        | <b>221.070</b> | <b>253.999</b> |
| 1          | Tài sản ngắn hạn              | Trđồng | 48.146         | 70.831         |
| 2          | Tài sản dài hạn               | Trđồng | 172.924        | 183.168        |
| <b>II</b>  | <b>Tổng nguồn vốn</b>         |        | <b>221.070</b> | <b>253.999</b> |
| 1          | Nợ phải trả                   | Trđồng | 145.455        | 177.289        |
| 2          | Nguồn vốn chủ sở hữu          | Trđồng | 75.615         | 76.710         |
| <b>III</b> | <b>Khả năng thanh toán</b>    |        |                |                |
| 1          | Hệ số thanh toán ngắn hạn     | Lần    | 0,34           | 0,44           |
| 2          | Hệ số thanh toán nhanh        | Lần    | 0,23           | 0,30           |
| <b>IV</b>  | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>       |        |                |                |
| 1          | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn    | %      | 65,8           | 69,8           |
| 2          | Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | %      | 34,2           | 30,2           |
| <b>V</b>   | <b>Khả năng sinh lợi</b>      |        |                |                |
|            | Lợi nhuận sau thuế            | Trđồng | 5.178          | 7.264          |

|           |                                      |      |     |       |
|-----------|--------------------------------------|------|-----|-------|
| 1         | ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ) | %    | 6,9 | 11,1  |
| 2         | ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản BQ)   | %    | 2,2 | 2,8   |
| <b>VI</b> | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>      | đồng | 885 | 1.373 |

Tổng tài sản và nguồn vốn 221.070 Trđ giảm 32.929 Trđ so với đầu năm, trong đó tài sản ngắn hạn 48.146 Trđ giảm 22.685 Trđ chiếm 22%, tài sản dài hạn 172.924 Trđ giảm 10.243 Trđ chiếm 78%, nợ phải trả 145.455 Trđ giảm 31.834 Trđ chiếm 66%, vốn chủ sở hữu 75.615 Trđ giảm 1.095 Trđ chiếm 34%. So với đầu năm tài sản và nguồn vốn giảm tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu khách hàng giảm 11.978 Trđ, hàng tồn kho giảm 7.481 Trđ, XDCB dở dang giảm 11.307 Trđ, vay ngắn hạn giảm 85.880 Trđ, vay dài hạn giảm 15.623 Trđ, lợi nhuận giảm 2.086 Trđ. Tương ứng phải trả người bán ngắn hạn tăng 60.798 Trđ, người mua trả trước tăng 3.661 Trđ, phải trả người lao động 7.606 Trđ

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 1,9 lần, giảm 0,4 lần so với đầu kỳ, vốn CSH tài trợ 34% nhu cầu vốn Công ty. Khả năng thanh toán ngắn hạn 0,34 lần. Theo cơ cấu vốn bình quân năm 2020 Công ty đang sử dụng gần 66% nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản cố định, tài sản ngắn hạn không đảm bảo thanh toán các khoản nợ của Công ty, với mô hình này Công ty sử dụng được nguồn vốn với lãi suất thấp nhưng lại làm gia tăng rủi ro về mặt tài chính. Cân đối nguồn vốn dài hạn và tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2020 nguồn vốn dài hạn thiếu 94.938 Trđ. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2020 là 6,9%.

## **II/ Kết quả triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:**

### **1. Kết quả báo cáo hợp nhất năm:**

| <b>Chỉ tiêu</b> | <b>Đơn vị tính</b>  | <b>Kế hoạch 2020</b> | <b>Thực hiện 2020</b> | <b>% so KH</b> | <b>% so cùng kỳ</b> |
|-----------------|---------------------|----------------------|-----------------------|----------------|---------------------|
| - Sản lượng     |                     |                      |                       |                |                     |
| + Vận tải       | m <sup>3</sup> Km   | 58.041.000           | 55.765.141            | 96             | 82                  |
| + Xăng dầu      | m <sup>3</sup> /Tấn | 62.600               | 66.548                | 106            | 94                  |
| + DMN           | Tấn                 | 127                  | 131                   | 103            | 97                  |
| + Gas           | Tấn                 | 560                  | 562                   | 100            | 85                  |

|                          |          |         |         |     |    |
|--------------------------|----------|---------|---------|-----|----|
| + Đào tạo & SH lái xe    | Học viên | 9.875   | 10.600  | 107 | 93 |
| - Doanh thu thuần        | Tr đồng  | 818.400 | 930.583 | 114 | 74 |
| - Lợi nhuận trước thuế   | Tr đồng  | 6.280   | 6.509   | 104 | 70 |
| - Lợi nhuận sau thuế     | %        | 5.030   | 5.178   | 103 | 71 |
| - Lợi nhuận sau thuế/VĐL | %        | 8,6     | 8,9     | 103 | 61 |
| - Chi trả cổ tức dự kiến | %        | 8       | 8       | 100 | 80 |
| - Tổng giá trị đầu tư    | Tr đồng  | 39.727  | 17.868  | 45  | 64 |

Doanh thu thuần đạt 930.583 Trđ, đạt 114% KH, giảm 26% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế lãi 6.509 Trđ, đạt 104% KH, giảm 30% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh 6.215 Trđ chiếm tỷ trọng 95,48%.

Lợi nhuận sau thuế lãi 5.178 Trđ, đạt 103% KH, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ 8,9%, đạt 103% KH, bằng 61% so năm 2019.

Cổ tức dự kiến chi trả 8%, đạt 100% KH.

## 2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

### • Lĩnh vực vận tải:

Sản lượng luân chuyển đạt 55.765.141 m<sup>3</sup>Km đạt 96% KH giảm 18% so với cùng kỳ, chuyển cho Lào 12.379.966 m<sup>3</sup>Km đạt 97% KH, giảm 43% so với cùng kỳ chiếm tỷ trọng 22%, vận chuyển nội địa 43.385.175 m<sup>3</sup>Km đạt 96% KH, giảm 5% so với cùng kỳ

### • Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, gas:

Sản lượng bán xăng dầu 66.547 m<sup>3</sup> đạt 106% KH, giảm 6% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng bán lẻ xăng dầu 49.280 m<sup>3</sup> đạt 105%KH, giảm 4% so với cùng kỳ; bán buôn 5.673 m<sup>3</sup> đạt 109% KH, giảm 27% so với cùng kỳ; bán đại lý 11.595 m<sup>3</sup>, đạt 110% KH, giảm 4% so với cùng kỳ. Lãi gộp xăng dầu BQ 993 đ/lít. Lợi nhuận từ kinh doanh xăng dầu 1.231 Trđ giảm 58% so với năm trước. Năng suất lao động bình quân 27 m<sup>3</sup>/người/tháng.

Sản lượng DMN 131 tấn, đạt 103% KH, giảm 3% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng bán lẻ 83 tấn, đạt 114% KH, tăng 9% so với cùng kỳ; bán buôn 30 tấn, đạt 94% KH, giảm 13% so với cùng kỳ; nội bộ 18 tấn, đạt 78% KH, giảm 25% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh DMN 95 Trđ.

Sản lượng kinh doanh gas 562 tấn, đạt 100% KH, giảm 15% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng bán lẻ đạt 207 tấn, đạt 86%KH, giảm 28% so với cùng kỳ, bán buôn 355 tấn, đạt 111%KH, giảm 7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh gas 155 Trđ.

- **Lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe:**

Số lượng học viên đào tạo 10.600 học viên đạt 107% KH, giảm 7% so với cùng kỳ. Trong đó số lượng học viên lái xe ô tô hạng B1, B2 và C là 3.064 học viên, đạt 116% KH giảm 10% so với cùng kỳ; số lượng học viên hạng A1 là 7.536 học viên, đạt 116% KH giảm 10% cùng kỳ. Trong năm 2020, số lượng hồ sơ tuyển sinh hiện đang thừa rất nhiều so với lưu lượng được cấp, công tác đào tạo và sát hạch lại bị đình trệ trong tháng 3, ngưng hoàn toàn trong tháng 4 do ảnh hưởng của dịch và thực hiện dẫn tiến độ thời gian đào tạo của Sở giao thông Nghệ An đề ra đối với các Trung tâm đào tạo. Tuy nhiên, với sự uy tín, thương hiệu và sự nỗ lực của Trung tâm đã tổ chức được 14 khóa sát hạch nội bộ và 27 khóa sát hạch ngoài góp phần tạo nên khoản doanh thu thuần 27.140 Trđ, Lợi nhuận trước thuế 3.950 Trđ đạt 179% KH và tăng 67% so với cùng kỳ.

**Công tác đầu tư:** Công tác đầu tư của Công ty căn cứ theo kế hoạch đầu năm, tổng giá trị đầu tư năm 2020 chỉ 17.868 Trđ đạt 45% KH, 64% so với cùng kỳ. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu lấy từ nguồn vốn ngắn hạn để bù đắp. Công tác đầu tư mặc dù triển khai tích cực nhưng vẫn gặp không ít khó khăn, do thủ tục đầu tư tại các cơ quan Nhà nước còn phức tạp, nhiều vòng, nhiều cơ quan chông chéo nên dẫn đến chậm tiến độ làm thủ tục, mất thời gian và tốn kém. Công tác đầu tư thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước và Quy chế đầu tư của Công ty.

**Đánh giá chung:** Mặc dù lợi nhuận từng loại hình kinh doanh vẫn còn chưa đạt như kỳ vọng đặt ra theo kế hoạch và so với cùng kỳ do gặp nhiều khó khăn trước diễn biến của thị trường. Tuy nhiên, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã tích cực triển khai nhiều giải pháp hoàn thành các chỉ tiêu KH, duy trì ổn định Công ty, bảo toàn vốn cổ đông, nâng cao đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc được thực hiện cơ bản theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

### **III/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

#### **1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Tiến hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên vào tháng 6/2020, thông qua phương án trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt và thực hiện chi trả vào tháng 9/2020.

- HĐQT giao kế hoạch SXKD tổng hợp năm 2020 cho Công ty
- Thực hiện các thủ tục, công tác đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện nhằm nâng lưu lượng cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS
- Xây dựng và hoàn thiện đề án hợp tác với Công ty CP nhiên liệu bay thuê sân sau văn phòng Công ty làm kho nhiên liệu
- Hoàn thành các thủ tục đầu tư và triển khai thi công các CHXD theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020 thông qua
- Thực hiện tách chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty, qua đó Ông Hoàng Công Thành – Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/10/2020, và bổ nhiệm Ông Mạnh Xuân Hùng – thành viên hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty từ ngày 01/10/2020.
- Trong năm HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 4 phiên và ban hành 6 nghị quyết, trong đó 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các phiên họp

## **2. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:**

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua.
- Năm 2020 Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông (*doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu, cổ tức*).
- Thành lập và đưa vào hoạt động cửa hàng xăng dầu 150 (CH Hiến Sơn) ngày 10/2/2020
- Chấm dứt hoạt động tại CHXD Bắc Hoàng Mai (19/02/2020) và cửa hàng 164 (30/11/2020) do hết hạn hợp đồng thuê
- Sát nhập đội xe nội địa và đội xe Lào từ ngày 01/7/2020 nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của phương tiện, cân đối năng lực của đội xe trong điều kiện thị phần vận tải Lào đang bị co hẹp



Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2020 phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

### **3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông**

- Trong năm 2020, BKS được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên BKS được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT.

- BKS phối hợp với ban điều hành rà soát cân đối năng lực vận tải, công nợ phải thu. Hoàn thành báo cáo hoạt động BKS sau khi tiếp thu các ý kiến của HĐQT.

- Tham gia các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm kê quý, năm tại các cửa hàng xăng dầu và kiểm tra định kỳ công tác hoạt động kinh doanh tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS, công tác PCCC, ATVSLĐ&BVMT, đo lường chất lượng, công tác bán hàng tại các CHXD và phương tiện vận tải, xưởng cơ khí sửa chữa, trung tâm gas và trung tâm cột bơm.

- Đối với cổ đông: trong năm BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

## **PHẦN III**

### **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

- Tăng cường công tác quản lý công nợ tại các CHXD, đôn đốc thu hồi các khoản nợ quá hạn dưới 1 năm mới phát sinh tại CHXD, hoàn thiện hồ sơ đối với các khoản nợ trên 3 năm gửi tòa án xét xử. Quy trách nhiệm cá nhân đối với các trường hợp bán hàng cho khách nợ ngoài quỹ tiền mặt, khách nợ không có Hợp đồng và thu hồi tích cực, nhanh chóng hơn nữa, phân loại các khách nợ để làm căn cứ trích lập dự phòng

- Đánh giá thường xuyên năng lực tài chính và tình hình kinh doanh của khách hàng, sản lượng của các hợp đồng có bảo lãnh có đúng cam kết và hiệu quả nhằm xây dựng định mức nợ hợp lý, tránh việc bị chiếm dụng vốn và phụ thuộc khách hàng công nợ

- Hạn chế tồn quỹ tiền mặt tại các cửa hàng xăng dầu

- Năng suất lao động bán lẻ bình quân năm 2020 là 27 m<sup>3</sup>/LĐ, tương đối thấp so với các đơn vị trong ngành, Công ty cần quan tâm sắp xếp, bố trí lao động hợp lý nhằm gia tăng sản lượng, tăng năng suất và cải thiện tiền lương cho người lao động.

- Khai thác năng lực vận tải một cách tối đa, chỉ thực hiện hợp đồng thuê ngoài khi nhu cầu vận tải thực sự cần thiết.

- Phân tích, đánh giá hiệu quả các tài sản đã đầu tư. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn để có giải pháp sử dụng vốn an toàn và hiệu quả.

- Đối với công nợ của Công ty Petrolimex Lào chiếm tỷ trọng khá lớn và thời gian nợ rất dài, Công ty cần có giải pháp quyết liệt và mạnh mẽ nhằm thu hồi nợ, trích lập dự phòng theo quy định.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và cho ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các đơn vị phòng ban, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Kính chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc./.

***Nơi nhận:***

- HĐTV TCty (thay b/cáo);
- HĐQT, Ban GD cty;
- Các Cổ đông;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

***Trần Anh Tuấn***

Số: /PTX-BC-HĐQT

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Kính thưa các Quý Cổ đông, các Quý vị đại biểu!

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty PTS Nghệ Tĩnh và các quy định pháp luật liên quan, thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, cơ cấu và thành phần nhân sự nhiệm kỳ 2016 - 2021, đề xuất một số định hướng trong năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

### **I. CƠ CẤU HĐQT NHIỆM KỲ 2016 - 2021 VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.**

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, đại hội đã bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2021 gồm có 05 Thành viên:

1. Ông Phạm Đức Thắng, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hoàng Công Thành, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3. Ông Nguyễn Thanh Hải, Thành viên HĐQT
4. Ông Mạnh Xuân Hùng, Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Trung Thành, Thành viên HĐQT

Tháng 10 năm 2016, Ông Trần Trung Thành xin từ nhiệm Thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2017, đại hội đã bầu Ông Đào Ngọc Tiến, Kế toán trưởng Công ty làm Thành viên HĐQT.

ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã thông qua việc thay đổi thành viên HĐQT Công ty, theo đó Ông Phạm Đức Thắng, Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, chủ tịch HĐQT Công ty và Ông Nguyễn Thanh Hải, Thành viên HĐQT thôi tham gia HĐQT Công ty. Đại hội đã bầu Ông Hoàng Văn Tuyên, Kế toán trưởng Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) làm Thành viên HĐQT không điều hành; Ông Võ Anh Tuấn, Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Nghệ An làm Thành viên HĐQT độc lập. Tại phiên họp thứ Nhất của HĐQT năm 2018, HĐQT đã bầu Ông Hoàng Công Thành, Trưởng Nhóm đại diện phần vốn của PTC tại PTS Nghệ Tĩnh, Giám đốc Công ty làm Chủ tịch HĐQT Công ty.

Thực hiện quy định về quản trị Công ty đại chúng, ngày 01/10/2020, HĐQT đã bầu Ông Mạnh Xuân Hùng, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc

Công ty. Ông Hoàng Công Thành thôi không kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty để giữ chức vụ Trưởng Nhóm đại diện phần vốn của PTC tại PTS Nghệ Tĩnh, Chủ tịch HĐQT Công ty.

Như vậy, HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021 gồm có 05 Thành viên:

1. Ông Hoàng Công Thành, Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Mạnh Xuân Hùng, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3. Ông Võ Anh Tuấn, Thành viên HĐQT độc lập
4. Ông Hoàng Văn Tuyển, Thành viên HĐQT không điều hành
5. Ông Đào Ngọc Tiến, Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng.

Những kết quả đạt được của HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021:

1. Định hướng chiến lược để Ban Điều hành tổ chức hoạt động SXKD theo đúng các chỉ tiêu mà các kỳ ĐHĐCĐ thường niên thông qua bằng Nghị quyết, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, cổ tức cho cổ đông đạt và vượt kế hoạch.

2. Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược đầu tư hiệu quả, đã tập trung nguồn lực để đầu tư mở rộng mạng lưới CHXD thuộc sở hữu của Công ty, từ đó không ngừng nâng cao sản lượng bán lẻ và hiệu quả kinh doanh xăng dầu.

3. Đầu tư nâng cấp Trung tâm đào tạo lái xe PTS thành Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe, qua đó khiến cho sản lượng khai thác học viên và hiệu quả kinh doanh tăng mạnh, góp phần quan trọng vào lợi nhuận hợp nhất của Công ty.

4. Định hướng, chỉ đạo để Ban Điều hành triển khai thành công các lĩnh vực kinh doanh mới có tỷ suất lợi nhuận cao: vận tải Nhiên liệu Bay, liên kết với Công ty Cổ phần Nhiên liệu Bay Petrolimex để xây dựng Kho nhiên liệu Bay tại Công ty.

5. Có định hướng nhất quán trong việc nâng cao chất lượng nguồn lực con người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt, coi đây là hạt nhân trung tâm để xây dựng doanh nghiệp phát triển ngày càng bền vững hơn.

6. Thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại, bước đầu tiếp cận với phương thức quản trị trực tuyến khi đại dịch Covid - 19 tác động sâu sắc đến hoạt động SXKD của cộng đồng doanh nghiệp.

7. Đảm bảo tối đa quyền lợi cho cổ đông và người lao động, thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành.

Trên cơ sở những định hướng, hoạch định về chiến lược SXKD trung và dài hạn, HĐQT đã chỉ đạo toàn diện hoạt động SXKD toàn Công ty giai đoạn 2016 - 2020, mang lại những kết quả cụ thể như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt: 37.290 triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức đạt: 54%, trung bình đạt 10,8%/năm
- Bổ sung vào quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 2.334 triệu đồng

- Bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính số tiền: 4.458 triệu đồng
- Tổng giá trị đầu tư đạt 182.060 triệu đồng, trong đó:
  - + Đầu tư xây dựng mới 08 CHXD thuộc sở hữu của Công ty
  - + Thuê 02 CHXD
  - + Đầu tư mới 25 phương tiện vận tải
  - + Thực hiện đầu tư nâng cấp Trung tâm đào tạo lái xe PTS lên Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe
  - + Đầu tư nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu các CHXD theo chuẩn của Tập đoàn, qua đó nâng cao sản lượng bán lẻ.
- Thực hiện 02 đợt nâng vốn Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:
  - + Năm 2016: nâng vốn Điều lệ từ 23 tỷ đồng lên 34,5 tỷ đồng
  - + Năm 2018: nâng vốn Điều lệ từ 34,5 tỷ đồng 58.476.850.000 đồng.

## **II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2020**

Năm 2020, đại dịch Covid - 19 đã thay đổi toàn diện bức tranh nền kinh tế - xã hội toàn cầu nói chung và Công ty PTS Nghệ Tĩnh nói riêng, Hội đồng quản trị đã điều chỉnh linh hoạt các mục tiêu, định hướng, tạo điều kiện để Ban Điều hành triển khai các giải pháp nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ 2020 thông qua, đảm bảo việc làm cho người lao động.

## **III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

Với việc kiên trì những mục tiêu và giải pháp đề ra từ đầu năm, thực hiện điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, thích ứng kịp thời với điều kiện thị trường và tác động của đại dịch, Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, đặc biệt là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bằng Nghị quyết ngày 23/6/2020.

### **3.1. Về nhân sự HĐQT:**

Hội đồng quản trị Công ty PTS Nghệ Tĩnh tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên Hội đồng quản trị điều hành, 01 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập, danh sách cụ thể như sau:

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b>     | <b>Chức vụ</b>                    |
|------------|----------------------|-----------------------------------|
| 1          | Ông Hoàng Công Thành | Chủ tịch HĐQT                     |
| 2          | Ông Mạnh Xuân Hùng   | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty |
| 3          | Ông Đào Ngọc Tiến    | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng   |
| 4          | Ông Võ Anh Tuấn      | Thành viên HĐQT độc lập           |
| 5          | Ông Hoàng Văn Tuyến  | Thành viên HĐQT                   |

### **3.2. Về tổ chức các cuộc họp của HĐQT:**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên dự họp tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ thành viên HĐQT tham dự các phiên họp định kỳ năm 2020 như sau:

| STT | Thành viên           | Chức vụ         | Số buổi tham dự | Tỷ lệ tham dự |
|-----|----------------------|-----------------|-----------------|---------------|
| 1   | Ông Hoàng Công Thành | Chủ tịch HĐQT   | 04              | 100%          |
| 2   | Ông Mạnh Xuân Hùng   | Thành viên HĐQT | 04              | 100%          |
| 3   | Ông Võ Anh Tuấn      | Thành viên HĐQT | 04              | 100%          |
| 4   | Ông Đào Ngọc Tiến    | Thành viên HĐQT | 04              | 100%          |
| 5   | Ông Hoàng Văn Tuyển  | Thành viên HĐQT | 04              | 100%          |

### 3.3. Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT năm 2020:

- Phân phối lợi nhuận năm 2020: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng nội dung của Nghị quyết đại hội;

- Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT năm 2020: Trong năm, HĐQT đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT số tiền là 1.244.334.000 đồng, thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020;

- Tổ chức 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các phiên họp;

- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty dịch vụ Xăng dầu Petrolimex;

- Ban hành các Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ, Nghị quyết về các vấn đề lấy ý kiến các Thành viên HĐQT;

- Thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được Điều lệ Công ty quy định.

### 3.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT trong năm 2020 như sau:

- Phương thức giám sát:

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời tiến hành trao đổi và chất vấn các hoạt động của Giám đốc và/hoặc thành viên Ban Điều hành trong việc lập chiến lược, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT cùng với Giám đốc đã thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp HĐQT để tìm ra và giải quyết khó khăn, nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

- Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban kiểm soát, HĐQT đã đưa ra các ý kiến đóng góp với Giám đốc và Ban Điều hành nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp.

- HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về các nội dung thuộc thẩm quyền để Giám đốc và Ban Điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

• Kết quả giám sát:

- Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT.

- Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt việc điều hành kinh doanh của Công ty.

- Trong quá trình điều hành, Giám đốc và Ban Điều hành Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.

3.5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------|---|-----------------|
| 1   | 52-2020/PTX-NQ-HĐQT       | 7/2/2020  | Nghị quyết HĐQT về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020   | 100%            |
| 2   | 111-2020/PTX-NQ-HĐQT      | 12/3/2020 | Nghị quyết về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020   | 100%            |
| 3   | 340/PTX-NQ-HĐQT           | 3/8/2020  | Nghị quyết HĐQT về việc chia cổ tức năm 2019  | 100%            |
| 4   | 342/2020/PTSNT-NQ-HĐQT    | 4/8/2020  | Thống nhất tách chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc đối với ông Hoàng Thành Công; Thống nhất bổ nhiệm ông Mạnh Xuân Hùng giữ chức vụ Giám đốc công ty | 100%            |

|   |                      |           |   |      |
|---|----------------------|-----------|---|------|
| 5 | 359-2020/PTX-NQ-HĐQT | 18/8/2020 | Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020           | 100% |
| 6 | 378-2020/PTX-NQ-HĐQT | 7/9/2020  | Nghị quyết về việc hủy triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 | 100% |
| 7 | 388/PTSNT-QĐ-HĐQT    | 25/9/2020 | Quyết định về việc thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty                   | 100% |
| 8 | 389/PTSNT-QĐ-HĐQT    | 25/9/2020 | Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ  | 100% |

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020.**

- Ban điều hành đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020:

+ Lợi nhuận trước thuế: 6.509 triệu đồng, đạt 103% kế hoạch;

+ Lợi nhuận sau thuế: 5.178 triệu đồng;

+ Tỷ lệ chia cổ tức trình Đại hội: 8%;

+ Thu nhập bình quân: 7,9 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản trị kinh doanh để nâng cao sản lượng kinh doanh xăng dầu;

- Quản trị tốt công nợ khách hàng trong điều kiện sản lượng bán buôn vẫn có mức tăng trưởng mạnh;

- Thực hiện tốt việc mở rộng mạng lưới bán lẻ, đã hoàn thành việc xây dựng mới 02 CHXD tại Nghệ An và Hà Tĩnh;

- Hoàn thiện các thủ tục để xây dựng sân tập lái Hưng Đông;

- Hoàn tất công tác xin cấp phép xây dựng kho Nhiên liệu Bay phía sau Văn phòng Công ty;

- Quy hoạch hệ thống phương tiện vận tải trong điều kiện thị trường vận tải Lào ngày càng co hẹp, nâng cao thị phần vận tải Nội địa. Tăng cường công tác quản trị con người và phương tiện đối với mảng kinh doanh vận tải Nhiên liệu bay, có định hướng mở rộng thị phần để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG.**

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc giám sát đối với Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như



các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 đã được hoàn thành tốt, tạo điều kiện cho việc phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Đồng thời, chúng tôi cũng nhận thấy rằng mặc dù còn một số mặt chưa đạt được yêu cầu như mong muốn của từng thành viên HĐQT, của Quý cổ đông và của tập thể người lao động trong Công ty. Một số thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, phân tán nên đôi khi chưa đôn đốc sát sao công tác quản lý điều hành Công ty, tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Công ty thấp khiến cho công tác đầu tư gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy chúng tôi vẫn mạnh dạn báo cáo trước Quý cổ đông rằng HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu mà ĐHĐCĐ năm 2020 đã giao.

## **VI. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021**

Trong năm 2021, đại dịch Covid - 19 vẫn chưa thể chấm dứt, sẽ tiếp tục tác động sâu sắc đến bức tranh kinh tế toàn cầu, cơ chế kinh doanh xăng dầu và vận tải sẽ có nhiều biến động, thị trường kinh doanh vận tải Lào tiếp tục gặp nhiều khó khăn, những bất ổn về kinh tế chính trị thế giới ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2020, trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đặc điểm tình hình trong thời gian tới, Hội đồng quản trị đề ra định hướng cho năm 2021 như sau:

- Chỉ đạo sát sao để triển khai thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Quyết liệt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông. Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính cơ bản năm 2021 như sau:

|                                |               |
|--------------------------------|---------------|
| + Tổng doanh thu:              | 1.031 tỷ đồng |
| + Lợi nhuận trước thuế:        | 7,8 tỷ đồng   |
| + Tổng giá trị đầu tư:         | 82,1 tỷ đồng  |
| + Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến): | 10 %.         |

- Mục tiêu chiến lược:

Xây dựng Công ty PTS Nghệ Tĩnh vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giỏi năng lực chuyên môn, năng động, sáng tạo.

- Một số giải pháp trọng tâm:

+ Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo công tác tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

+ Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

+ Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty trong tình hình mới, đặc biệt là khi Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung.

+ Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương - thưởng đối với người lao động.

+ Thực hiện các chức năng quản lý Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

+ Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng chức năng và quyền hạn, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém nhằm cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với kỳ vọng của các Quý cổ đông.

Kính thưa các Quý cổ đông và Quý đại biểu!

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021, chúng tôi mong muốn rằng các Quý cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn, đưa lại hiệu quả kinh doanh và gia tăng cổ tức cho cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, các cơ quan chức năng của tỉnh Nghệ An, Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex cùng các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty PTS Nghệ Tĩnh trong những năm qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Petrolimex nói chung và Công ty PTS Nghệ Tĩnh nói riêng.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Cảm ơn và trân trọng!

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /PTX-BC-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## BÁO CÁO

### Về việc quyết toán QTL và thù lao của các thành viên HĐQT, Các thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

Căn cứ Nghị quyết 285/PTSNT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông PTS Nghệ Tĩnh về việc thông qua phương án về trả lương, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kết quả hoạt động SXKD năm 2020 của PTS Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2020 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/06/2020. Theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của HĐQT năm 2020 là: **1.366.764.000 đồng**.

2. Mức lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/06/2020. Theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 là: **468.944.000 đồng**.

*(Có phương án cụ thể về quyết toán QTL và thù lao đối với các thành viên HĐQT, thành viên BKS kèm theo).*

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

(Trình ĐHĐCĐ thường niên 2021)

### I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

- Căn Nghị quyết 285/PTSNT-NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông PTS Nghệ Tĩnh;

- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2020 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán An Việt;

- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2020;

### II. Số liệu phân phối cụ thể như sau:

**2.1 Tổng Lợi nhuận sau thuế năm 2020:** 5.178.291.076 đồng

**2.2 Phân phối lợi nhuận:**

**2.2.1. Chi trả cổ tức năm 2020 (cổ tức 8% bằng tiền mặt)**

- Số tiền chia cổ tức năm 2020: 4.678.148.000 đồng, chiếm tỷ lệ 90% tổng lợi nhuận sau thuế.

- Mức chia cổ tức năm 2020: 800 đồng/Cổ phần

**2.2.2. Phân phối hai quỹ khen thưởng, phúc lợi:** 150.343.923 đồng, chiếm tỷ lệ 3% tổng lợi nhuận sau thuế.

**2.2.3. Phân phối hai quỹ đầu tư phát triển:** 349.799.153 đồng, chiếm tỷ lệ 7% tổng lợi nhuận sau thuế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2020

(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                              | Mã chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-------------|-------|-------------|-------------|------------|
| A. Tài sản ngắn hạn                   | 11          | 100   |             | 48,146      | 70,831     |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111         | 110   |             | 2,271       | 2,609      |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         | 112         | 120   |             |             |            |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 113         | 130   |             | 25,773      | 37,906     |
| IV. Hàng tồn kho                      | 114         | 140   | V.7         | 15,314      | 22,795     |
| V. Tài sản ngắn hạn khác              | 115         | 150   |             | 4,787       | 7,520      |
| B. Tài sản dài hạn                    | 12          | 200   |             | 172,924     | 183,168    |
| I. Các khoản phải thu dài hạn         | 121         | 210   |             |             |            |
| II. Tài sản cố định                   | 122         | 220   |             | 155,885     | 154,905    |
| III. Bất động sản đầu tư              | 123         | 230   | V.12        |             |            |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn           | 124         | 240   | V.8         | 4,379       | 15,686     |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn           | 125         | 250   |             |             |            |
| VI. Tài sản dài hạn khác              | 126         | 260   |             | 12,660      | 12,577     |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)       | 1           | 270   |             | 221,070     | 253,999    |
| C. Nợ phải trả                        | 21          | 300   |             | 145,455     | 177,289    |
| I. Nợ ngắn hạn                        | 211         | 310   |             | 143,084     | 159,294    |
| II. Nợ dài hạn                        | 212         | 330   |             | 2,371       | 17,994     |
| D. Vốn chủ sở hữu                     | 22          | 400   |             | 75,615      | 76,710     |
| I. Vốn chủ sở hữu                     | 221         | 410   | V.25        | 75,615      | 76,710     |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu             | 22101       | 411   |             | 58,477      | 58,477     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 22111       | 421   |             | 5,178       | 7,265      |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)     | 2           | 440   |             | 221,070     | 253,999    |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020**  
**(Trích báo cáo đã được kiểm toán)**

**Mẫu số B 01-DN/HN**  
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT  | CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Năm (báo cáo) | Năm (trước) |
|------|---|-------|-------------|---------------|-------------|
| 1.   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 930,583       | 1,264,174   |
| 2.   | Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | VI.2        | -             | -           |
| 3.   | DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10    |             | 930,583       | 1,264,174   |
| 4.   | Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.3        | 838,875       | 1,159,212   |
| 5.   | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)   | 20    |             | 91,708        | 104,961     |
| 6.   | Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.4        | 66            | 274         |
| 7.   | Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.5        | 8,803         | 12,725      |
|      | Trong đó: Chi phí lãi vay                           | 23    |             | 7,160         | 12,409      |
| 8.   | Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết      | 24    |             | -             | -           |
| 9.   | Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.8        | 53,147        | 57,190      |
| 10.  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26    | VI.8        | 23,564        | 26,540      |
| 11.  | LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24-25-26)     | 30    |             | 6,259         | 8,779       |
| 12.  | Thu nhập khác                                       | 31    | VI.6        | 366           | 691         |
| 13.  | Chi phí khác  | 32    | VI.7        | 116           | 221         |
| 14.  | Lợi nhuận khác (40=31-32)                           | 40    |             | 250           | 471         |
| 15.  | Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)               | 50    |             | 6,509         | 9,250       |
| 16.  | Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51    | VI.10       | 1,332         | 1,986       |
| 17.  | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                          | 52    | VI.11       | -             | -           |
| 18.  | LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)                      | 60    |             | 5,178         | 7,264       |
| 18.1 | LNST của cổ đông Công ty mẹ                         | 61    |             | 5,178         | 7,264       |
| 18.2 | LNST của cổ đông không kiểm soát (62=60-61)         | 62    |             | -0            | 0           |
| 19   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                        | 70    |             | 885           | 1,373       |
| 20   | Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                      | 71    |             |               |             |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu  | Mã chỉ tiêu | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|-------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. Tài sản ngắn hạn</b>                      | <b>11</b>   | <b>100</b> |             | <b>48,145,530,017</b>  | <b>70,830,802,974</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>111</b>  | <b>110</b> |             | <b>2,271,347,594</b>   | <b>2,609,023,897</b>   |
| 1. Tiền   | 1111        | 111        | V.1         | 2,271,347,594          | 2,609,023,897          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                   | 1112        | 112        |             |                        |                        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>            | <b>112</b>  | <b>120</b> |             |                        |                        |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                       | 1121        | 121        | V.2.a       |                        |                        |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 1122        | 122        | V.2.a       |                        |                        |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 1123        | 123        | V.2.b1      |                        |                        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>         | <b>113</b>  | <b>130</b> |             | <b>25,773,170,688</b>  | <b>37,906,047,991</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 1131        | 131        | V.3.a       | 23,605,904,088         | 35,584,040,330         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 1132        | 132        |             | 138,952,666            | 263,090,570            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                     | 1133        | 133        |             |                        |                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD   | 1134        | 134        |             |                        |                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 1135        | 135        | V.2.b1      |                        |                        |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                       | 1136        | 136        | V.4.a       | 3,157,384,910          | 3,328,558,230          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)       | 1137        | 137        | V.4.a       | (1,129,070,976)        | (1,269,641,139)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                      | 1138        | 139        | V.5         |                        |                        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                         | <b>114</b>  | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>15,314,492,821</b>  | <b>22,795,463,784</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                 | 1141        | 141        |             | 15,314,492,821         | 22,795,463,784         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)           | 1142        | 149        |             |                        |                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>115</b>  | <b>150</b> |             | <b>4,786,518,914</b>   | <b>7,520,267,302</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 1151        | 151        | V.13.a      | 4,616,778,138          | 5,838,171,063          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ          | 1152        | 152        |             | 145,823,424            | 1,682,096,239          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 1153        | 153        | V.17.b      | 23,917,352             |                        |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ   | 1154        | 154        |             |                        |                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                        | 1155        | 155        | V.14.a      |                        |                        |
| <b>B. Tài sản dài hạn</b>                       | <b>12</b>   | <b>200</b> |             | <b>172,924,455,485</b> | <b>183,167,845,224</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>121</b>  | <b>210</b> |             |                        |                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>122</b>  | <b>220</b> |             | <b>155,885,286,544</b> | <b>154,904,994,408</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 1221        | 221        | V.9         | 153,710,925,961        | 152,821,495,001        |
| - Nguyên giá                                    | 12211       | 222        |             | 321,890,567,684        | 295,693,371,967        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    | 12212       | 223        |             | (168,179,641,723)      | (142,871,876,966)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 1222        | 224        | V.11        |                        |                        |
| - Nguyên giá                                    | 12221       | 225        |             |                        |                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    | 12222       | 226        |             |                        |                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 1223        | 227        | V.10        | 2,174,360,583          | 2,083,499,407          |
| - Nguyên giá                                    | 12231       | 228        |             | 3,753,235,000          | 3,378,235,000          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    | 12232       | 229        |             | (1,578,874,417)        | (1,294,735,593)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>123</b>  | <b>230</b> | <b>V.12</b> |                        |                        |
| - Nguyên giá                                    | 1231        | 231        |             |                        |                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    | 1232        | 232        |             |                        |                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>124</b>  | <b>240</b> | <b>V.8</b>  | <b>4,378,811,145</b>   | <b>15,686,147,619</b>  |
| 1. Chi phí SX, kinh doanh dở dang dài hạn       | 1241        | 241        |             |                        |                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 1242        | 242        |             | 4,378,811,145          | 15,686,147,619         |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>125</b>  | <b>250</b> |             |                        |                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>126</b>  | <b>260</b> |             | <b>12,660,357,796</b>  | <b>12,576,703,197</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 1261        | 261        | V.13.b      | 12,660,357,796         | 12,576,703,197         |

|  |            |            |             |                        |                        |
|--|------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 1262       | 262        | V.24.a      |                        |                        |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 1263       | 263        | V.7         |                        |                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 1264       | 268        | V.14.b      |                        |                        |
| 5. Lợi thế thương mại                          | 1265       | 269        | V.13.c      |                        |                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>         | <b>1</b>   | <b>270</b> |             | <b>221,069,985,502</b> | <b>253,998,648,198</b> |
| <b>C. Nợ phải trả</b>                          | <b>21</b>  | <b>300</b> |             | <b>145,454,866,962</b> | <b>177,288,691,795</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>211</b> | <b>310</b> |             | <b>143,083,866,962</b> | <b>159,294,465,545</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 21101      | 311        | V.16.a      | 93,695,553,728         | 32,897,983,000         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 21102      | 312        |             | 8,108,089,212          | 4,447,260,889          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 21103      | 313        | V.17.a      | 397,909,696            | 1,524,820,057          |
| 4. Phải trả người lao động                     | 21104      | 314        |             | 10,780,380,825         | 3,174,333,115          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 21105      | 315        | V.18.a      | 32,078,091             | 177,358,731            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                    | 21106      | 316        |             |                        |                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD  | 21107      | 317        |             |                        |                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 21108      | 318        | V.20.a      |                        |                        |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                      | 21109      | 319        | V.19.a      | 1,242,937,883          | 1,553,937,206          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 21110      | 320        | V.15.a      | 27,931,876,668         | 113,811,570,627        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                 | 21111      | 6          | V.23.a      |                        | 0                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 21112      | 322        |             | 895,040,859            | 1,707,201,920          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                            | 21113      | 393        | 123         |                        |                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 21114      | 386        | 86          |                        |                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>212</b> | <b>254</b> |             | <b>2,371,000,000</b>   | <b>17,994,226,250</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                  | 2121       | 121        | -190        |                        |                        |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn            | 2122       | 407        | 95          |                        |                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                    | 2123       | 404        | 91          |                        |                        |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh           | 2124       | 334        |             |                        |                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                     | 2125       | 335        |             |                        |                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn            | 2126       | 336        | V.20.b      |                        |                        |
| 7. Phải trả dài hạn khác                       | 2127       | 337        | V.19.b      |                        |                        |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 2128       | 338        | V.15.b      | 2,371,000,000          | 17,994,226,250         |
| <b>D. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>22</b>  | <b>400</b> |             | <b>75,615,118,540</b>  | <b>76,709,956,403</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>221</b> | <b>410</b> | <b>V.25</b> | <b>75,615,118,540</b>  | <b>76,709,956,403</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 22101      | 411        |             | 58,476,850,000         | 58,476,850,000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 221011N    | 411a       |             | 58,476,850,000         | 58,476,850,000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 221012N    | 411b       |             |                        |                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 22102      | 412        |             | 326,109,150            | 326,109,150            |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu            | 22103      | 413        |             |                        |                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                     | 22104      | 414        |             |                        |                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*)                            | 22105      | 415        |             |                        |                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản             | 22106      | 416        |             |                        |                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                  | 22107      | 417        |             |                        |                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                       | 22108      | 418        |             | 11,633,868,314         | 10,642,169,122         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp             | 22109      | 419        |             |                        |                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | 22110      | 420        |             |                        |                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 22111      | 421        |             | 5,178,291,076          | 7,264,828,131          |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước      | 221111N    | 421a       |             | 430,000                | 430,000                |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 221112N    | 421b       |             | 5,177,861,076          | 7,264,398,131          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB                      | 22112      | 422        |             |                        |                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát            | 22113      | 429        |             |                        |                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>            | <b>222</b> | <b>430</b> | <b>V.28</b> |                        |                        |
| 1. Nguồn kinh phí                              | 2221       | 431        |             |                        |                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ           | 2222       | 432        |             |                        |                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>       | <b>2</b>   | <b>440</b> |             | <b>221,069,985,502</b> | <b>253,998,648,198</b> |



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020

(Trích báo cáo đã được kiểm toán)

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

| STT  | CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Năm (báo cáo)        | Năm (trước)       |
|------|---|-------|-------------|----------------------|-------------------|
| 1.   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 930,583,423,238      | 1,264,173,643,937 |
| 2.   | Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | VI.2        |                      | -                 |
| 3.   | DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10    |             | 930,583,423,238      | 1,264,173,643,937 |
| 4.   | Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.3        | 838,874,986,415      | 1,159,212,441,891 |
| 5.   | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)   | 20    |             | 91,708,436,823       | 104,961,202,046   |
| 6.   | Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.4        | 65,889,151           | 274,221,475       |
| 7.   | Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.5        | 8,803,199,366        | 12,725,156,989    |
|      | Trong đó: Chi phí lãi vay                           | 23    |             | 7,160,265,255        | 12,409,251,455    |
| 8.   | Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết      | 24    |             |                      | 0                 |
| 9.   | Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.8        | 53,147,450,877       | 57,190,499,362    |
| 10.  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26    | VI.8        | 23,564,212,490       | 26,540,389,824    |
| 11.  | LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24-25-26)     | 30    |             | 6,259,463,241        | 8,779,377,346     |
| 12.  | Thu nhập khác                                       | 31    | VI.6        | 366,086,532          | 691,281,007       |
| 13.  | Chi phí khác  | 32    | VI.7        | 116,156,584          | 220,677,744       |
| 14.  | Lợi nhuận khác (40=31-32)                           | 40    |             | 249,929,948          | 470,603,263       |
| 15.  | Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)               | 50    |             | 6,509,393,189        | 9,249,980,609     |
| 16.  | Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51    | VI.10       | 1,331,532,113        | 1,985,582,478     |
| 17.  | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                          | 52    | VI.11       |                      |                   |
| 18.  | LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)                      | 60    |             | <b>5,177,861,076</b> | 7,264,398,131     |
| 18.1 | LNST của cổ đông Công ty mẹ                         | 61    |             | 5,177,861,076        | 7,264,398,131     |
| 18.2 | LNST của cổ đông không kiểm soát (62=60-61)         | 62    |             | 0                    | -                 |
| 19   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                        | 70    |             | 885                  | 1,373             |
| 20   | Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                      | 71    |             |                      |                   |

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>  | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------|--|--------------|
| 1         | Lợi nhuận thực hiện                                    |              |
| 1a        | Lợi nhuận hoạt động kinh doanh                         |              |
| 1b        | Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                   |              |
| 1c        | Lợi nhuận chịu thuế TNDN                               |              |
| 1d        | Chi phí chịu thuế TNDN                                 |              |
| 2         | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                   |              |
| 3         | Thuế TNDN  |              |
| 3a        | Từ hoạt động kinh doanh                                |              |
| 3b        | Thuế TNDN từ lãi CLTG chưa thực hiện                   |              |
| 4         | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                              |              |
| 4a        | LNST từ hoạt động kinh doanh kỳ này                    |              |
| 4b        | LNST chưa phân phối còn lại từ hoạt động kinh doanh kỳ |              |
| 4c        | LNST từ lãi CLTG chưa thực hiện                        |              |
| 5         | Chia cổ tức năm 2020 (8%)                              | 90%          |
| 6         | Quỹ đầu tư phát triển                                  | 7%           |
| 7         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                              | 3%           |

|                      |
|----------------------|
| <b>Số tiền</b>       |
| 6,509,393,189        |
| 6,509,393,189        |
|                      |
| 6,509,393,189        |
| 0                    |
|                      |
| <b>1,331,532,113</b> |
| 1,331,532,113        |
|                      |
| <b>5,178,291,076</b> |
| 5,177,861,076        |
| 430,000              |
|                      |
| 4,678,148,000        |
| 349,799,153          |
| 150,343,923          |

**QŨY TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO  
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020**

**A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2020:**

- Lợi nhuận sau thuế: 5.236 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu bình quân: 74.184 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 7,1 %
- \* Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

**B. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020***ĐVT: đồng*

| TT         | Chức danh                                     | Số người bình quân | Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th) | Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th) | Số tháng thực hiện | Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ) | Ghi chú        |
|------------|---|--------------------|----------------------------------|------------------------------------|--------------------|---------------------------------|----------------|
| (1)        | (2)   | (3)                | (4)                              | (5)                                | (6)                | (7)=(3)x(5)x(6)                 | (8)            |
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b>                      |                    |                                  |                                    |                    | <b>1,366,764,000</b>            |                |
| <b>1</b>   | <b>Chủ tịch HĐQT</b>                          |                    |                                  |                                    |                    | <b>489,720,000</b>              |                |
| -          | Chủ tịch HĐQT                                 | 1                  | 33,000,000                       | 40,810,000                         | 3                  | 122,430,000                     | Từ T10 đến T12 |
| -          | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty           | 1                  | 33,000,000                       | 40,810,000                         | 9                  | 367,290,000                     | Từ T1 đến T9   |
| <b>2</b>   | <b>Thành viên HĐQT</b>                        |                    |                                  |                                    |                    | <b>877,044,000</b>              |                |
| -          | Giám đốc Công ty                              | 1                  | 30,000,000                       | 37,100,000                         | 3                  | 111,300,000                     | Từ T10 đến T12 |
| -          | Phó giám đốc kiêm nhiệm TV HĐQT               | 1                  | 24,000,000                       | 29,680,000                         | 9                  | 267,120,000                     | Từ T1 đến T9   |
| -          | Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT              | 1                  | 24,000,000                       | 29,680,000                         | 12                 | 356,160,000                     |                |
| -          | Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty | 1                  | 4,800,000                        | 5,936,000                          | 12                 | 71,232,000                      |                |
| -          | Thành viên độc lập                            | 1                  | 4,800,000                        | 5,936,000                          | 12                 | 71,232,000                      |                |
| <b>II</b>  | <b>Ban Kiểm soát</b>                          |                    |                                  |                                    |                    | <b>468,944,000</b>              |                |
| <b>1</b>   | <b>Trưởng ban Kiểm soát</b>                   |                    |                                  |                                    |                    | <b>356,160,000</b>              |                |
| -          | Chuyên trách                                  | 1                  | 24,000,000                       | 29,680,000                         | 12                 | 356,160,000                     |                |
| <b>2</b>   | <b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>               |                    |                                  |                                    |                    | <b>112,784,000</b>              |                |
| -          | Kiểm nhiệm                                    | 2                  | 3,800,000                        | 4,699,333                          | 12                 | 112,784,000                     |                |
| <b>III</b> | <b>Ban điều hành</b>                          |                    |                                  |                                    |                    | <b>356,160,000</b>              |                |
| -          | Phó giám đốc                                  | 1                  | 24,000,000                       | 29,680,000                         | 12                 | 356,160,000                     |                |

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN

TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN

**KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO  
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021**

**A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2021:**

- Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch: 6.011 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu kế hoạch bình quân: 75.000 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 8 %
- \* Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

**B. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021**

ĐVT: đồng

| TT         | Chức danh                                     | Số người bình quân | Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th) | Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th) | Số tháng thực hiện | Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ) | Ghi chú |
|------------|---|--------------------|----------------------------------|------------------------------------|--------------------|---------------------------------|---------|
| (1)        | (2)   | (3)                | (4)                              | (5)                                | (6)                | (7)=(3)x(5)x(6)                 | (8)     |
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b>                      |                    |                                  |                                    |                    | <b>1,468,320,000</b>            |         |
| <b>1</b>   | <b>Chủ tịch HĐQT</b>                          |                    |                                  |                                    |                    | <b>501,600,000</b>              |         |
| -          | Chủ tịch HĐQT                                 | 1                  | 33,000,000                       | 41,800,000                         | 12                 | 501,600,000                     |         |
| <b>2</b>   | <b>Thành viên HĐQT</b>                        |                    |                                  |                                    |                    | <b>966,720,000</b>              |         |
| -          | Giám đốc Công ty                              | 1                  | 30,000,000                       | 38,000,000                         | 12                 | 456,000,000                     |         |
| -          | Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT              | 1                  | 24,000,000                       | 30,400,000                         | 12                 | 364,800,000                     |         |
| -          | Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty | 1                  | 4,800,000                        | 6,080,000                          | 12                 | 72,960,000                      |         |
| -          | Thành viên độc lập                            | 1                  | 4,800,000                        | 6,080,000                          | 12                 | 72,960,000                      |         |
| <b>II</b>  | <b>Ban Kiểm soát</b>                          |                    |                                  |                                    |                    | <b>480,320,000</b>              |         |
| <b>1</b>   | <b>Trưởng ban Kiểm soát</b>                   |                    |                                  |                                    |                    | <b>364,800,000</b>              |         |
| -          | Chuyên trách                                  | 1                  | 24,000,000                       | 30,400,000                         | 12                 | 364,800,000                     |         |
| <b>2</b>   | <b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>               |                    |                                  |                                    |                    | <b>115,520,000</b>              |         |
| -          | Kiểm nhiệm                                    | 2                  | 3,800,000                        | 4,813,333                          | 12                 | 115,520,000                     |         |
| <b>III</b> | <b>Ban điều hành</b>                          |                    |                                  |                                    |                    | <b>364,800,000</b>              |         |
| -          | Phó giám đốc                                  | 1                  | 24,000,000                       | 30,400,000                         | 12                 | 364,800,000                     |         |

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN

TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN

**(DỰ THẢO)**  
**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /PTSNT-QĐ-BKS ngày / /2021*  
*của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh)*

-----  
**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (Ban kiểm soát) trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**2. Đối tượng áp dụng:**

- a) Kiểm soát viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
- b) Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác (quy định tại Khoản e, Điều 1 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh);
- c) Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (Công ty) do Đại hội đồng cổ đông bầu, có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ được giao.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định có liên quan.

3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng Kiểm soát viên. Kiểm soát viên được quyền bảo lưu ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ.

4. Hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát không làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không làm thiệt hại đến lợi ích của Công ty và cổ đông.

**CHƯƠNG II**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**  
**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN**  
**VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Trường hợp Ban kiểm soát còn lại dưới 2/3 số Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung đủ số Kiểm soát viên theo quy định.

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Kiểm soát viên.**

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020.

2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Quyền hạn

a) Được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

b) Được sử dụng con dấu Công ty để tổ chức thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty.

c) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

d) Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.

đ) Đề nghị tổ chức phiên họp Hội đồng quản trị bất thường; Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập, hoặc trực tiếp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e) Tham gia lựa chọn và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.

f) Được yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Công ty và Kiểm toán viên độc lập trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

g) Được sử dụng tư vấn độc lập và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

i) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## 2. Nghĩa vụ

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, kế hoạch công tác giám sát hàng năm, kế hoạch chi phí hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát và các quy định khác của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị; Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp khi cần thiết.

b) Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

d) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

đ) Xem xét các đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có liên quan (nếu có).

e) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

f) Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và các ý kiến trình bày của người quản lý thuộc CTy.

g) Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có hành vi vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty; Yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

h) Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 6. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát**

Tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 5 của Quy chế này, cụ thể:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên. Quản lý, chỉ đạo các Kiểm soát viên thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

2. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



4. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Ban Giám đốc, được quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không được biểu quyết.

5. Là đầu mối tiếp nhận thông tin, đảm bảo các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát cần phải xem xét.

6. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

7. Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

8. Đảm bảo các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công tác giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát.

9. Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 7. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên**

Tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 5 của Quy chế này và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể sau:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát, lập kế hoạch công tác hàng năm để thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

6. Định kỳ báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về tình hình và kết quả giám sát trong phạm vi công việc được phân công, báo cáo ngay về các hoạt động bất thường và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá, kết luận của mình. Khi Kiểm soát viên nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Trưởng Ban kiểm soát.

7. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

8. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Ban Giám đốc, được phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

9. Tham gia ý kiến xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, báo cáo thẩm định báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

10. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trừ vấn đề có xung đột lợi ích với Kiểm soát viên đó.

11. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

12. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c) Có đơn xin từ chức và được chấp nhận.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Kiểm soát viên vẫn phải chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết công việc của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng quyền hạn, nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét, miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

5. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách Kiểm soát viên, các Kiểm soát viên có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát (đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty).

6. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Kiểm soát viên mới để bổ sung, hoặc thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu của Ban kiểm soát.

### **Điều 9. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Tiền thưởng và các lợi ích khác (nếu có) của Kiểm soát viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.

## **Mục 2**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 10. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất 6 tháng 1 lần và họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất, cấp bách của Công ty do Trưởng Ban kiểm soát chủ trì. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Giám đốc.
- c) Ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Trưởng Ban kiểm soát.
- đ) Ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường tại khoản 2 nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau 2 lần đề nghị mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập được cuộc họp Ban kiểm soát bất thường thì Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên phải có ngay văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết những tồn tại, vướng mắc.

4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành tại Văn phòng Công ty hoặc tại một địa điểm khác theo sự thống nhất chung của các Kiểm soát viên .

#### **Điều 11. Trình tự tiến hành họp Ban kiểm soát**

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban kiểm soát đều phải được chuẩn bị trước; Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung... cuộc họp để phân công cho các Kiểm soát viên chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ họp bất thường) phải được gửi đến từng Kiểm soát viên theo phương thức phù hợp trước khi họp. Thông báo mời họp cần nêu rõ về: thời gian, địa điểm, nội dung, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp Kiểm soát viên không thể dự họp, có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 (hai) Kiểm soát viên trở lên tham dự. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể mời thêm đại biểu (không phải là Kiểm soát viên) tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.

4. Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp tiếp lần thứ hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai

lần triệu tập họp vẫn không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét về tư cách của các Kiểm soát viên.

5. Nội dung cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào biên bản, có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Riêng các nội dung quan trọng phải được các Kiểm soát viên thông qua theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

### **Điều 12. Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát**

1. Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác trong Ban kiểm soát thực hiện biểu quyết.

2. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác trong Ban kiểm soát để biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại cuộc họp Ban kiểm soát liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Kiểm soát viên và nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì sẽ được chuyển đến chủ tọa cuộc họp xem xét. Phán quyết của chủ tọa có giá trị quyết định.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định thì quyết định này được coi là có giá trị tương đương với quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Nội dung, trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra**

1. Giám sát thường xuyên: Giám sát thông qua việc nghiên cứu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty.

2. Giám sát, kiểm tra theo chuyên đề: Giám sát thông qua việc thực hiện kiểm tra theo chuyên đề của Công ty.

3. Giám sát, kiểm tra định kỳ: Giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc, chính sách, chế độ, thể lệ, quy định...; Thẩm định nội bộ báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ khác của Công ty.

4. Giám sát, kiểm tra đột xuất: Giám sát, kiểm tra đối với các trường hợp sau:

- a) Theo đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
- b) Khi Ban kiểm soát phát hiện có dấu hiệu bất thường;
- c) Theo các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu trên).

5. Trình tự tiến hành giám sát, kiểm tra:

a) Chuẩn bị giám sát, kiểm tra:

Căn cứ kế hoạch, chương trình công tác của Ban kiểm soát; tình hình thực tế và điều kiện cụ thể để xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng đợt, từng cuộc giám sát, kiểm tra. Theo đó, Ban kiểm soát cần nghiên cứu, tìm hiểu, xem xét các vấn đề liên quan; chuẩn bị

các điều kiện, giải quyết các thủ tục cần thiết (có quyết định hoặc thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị Công ty, đối tượng giám sát, kiểm tra...) để triển khai thực hiện.

b) Thực hiện giám sát, kiểm tra:

Bằng các phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, tổ chức thực hiện việc thu thập đầy đủ các bằng chứng cần thiết và có thể; xem xét, phân tích, đánh giá để có kết luận đúng, phù hợp; tìm nguyên nhân, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan...

c) Kết thúc giám sát, kiểm tra:

Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra để báo cáo Đại hội đồng cổ đông và thông báo với Hội đồng quản trị Công ty theo đúng quy định.

Theo dõi, giám sát và đánh giá quá trình khắc phục.

### **Mục 3**

## **CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin**

1. Kiểm soát viên được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị cùng các tài liệu kèm theo.

b) Văn bản của Giám đốc trình Hội đồng quản trị.

c) Các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Các thông tin (báo cáo) tài chính và các thông tin, tài liệu khác.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Ban kiểm soát (chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Trường hợp Kiểm soát viên có yêu cầu cung cấp thêm thông tin thì được thực hiện trong thời gian tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Yêu cầu về cung cấp thông tin của các Kiểm soát viên phải được gửi bằng văn bản trực tiếp đến người có trách nhiệm cung cấp.

3. Kiểm soát viên được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý, nhân viên Công ty làm việc để thu nhận thông tin...

#### **Điều 15. Bảo mật thông tin**

1. Các Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Các Kiểm soát viên xử lý mọi thông tin, tài liệu có được trong phạm vi theo thẩm quyền được phân công với sự cẩn trọng cần thiết.

3. Các Kiểm soát viên không được tiết lộ thông tin, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các thông tin, tài liệu khác liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

4. Các Kiểm soát viên nếu vi phạm nguyên tắc hoạt động, chế độ bảo mật thông tin gây thiệt hại cho doanh nghiệp hoặc người khác thì phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc

liên đới bồi thường thiệt hại (tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, qui mô thiệt hại), hoặc có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

### **Điều 16. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát**

1. Quan hệ với cổ đông

a) Ban kiểm soát đại diện cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông Công ty trong việc thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được giao.

2. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

a) Ban kiểm soát thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 5 quy chế này một cách độc lập với Hội đồng quản trị Tập, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

b) Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Petrolimex và của cổ đông.

c) Các cuộc kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản và gửi Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý có liên quan khác của Công ty.

d) Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty sẽ xem xét, có ý kiến chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện. Ban kiểm soát giám sát việc tổ chức thực hiện các ý kiến chỉ đạo này.

## **CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm có 3 chương, 17 điều và có hiệu lực theo quyết định ban hành.

2. Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty mà chưa được nêu trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi thấy cần thiết, Ban kiểm soát sẽ xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khi các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thay đổi, các quy định tại quy chế này chưa kịp thay đổi thì thực hiện theo các quy định mới của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

**T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU CUNG CẤP CHO BAN KIỂM SOÁT**

| <b>TT</b> | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------|---|
| 1         | Các Quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật   |
| 2         | Tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông Công ty   |
| 3         | Quyết định và tài liệu giao kế hoạch hàng năm   |
| 4         | Quyết định về đầu tư, thành lập đơn vị trực thuộc; quản lý, sử dụng vốn   |
| 5         | Quyết định bổ nhiệm, điều động, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trí của cán bộ thuộc HĐQT quản lý. |
| 6         | Quyết định phân phối tiền lương, tiền thưởng... của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc.                            |
| 7         | Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của Công ty   |
| 8         | Báo cáo soát xét, kiểm toán và thư quản lý của cơ quan kiểm toán độc lập  |
| 9         | Báo cáo quyết toán quản trị, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính (quý, năm) của Công ty                     |
| 10        | Biên bản thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các tài liệu liên quan của các cơ quan quản lý nhà nước                    |
| 11        | Văn bản giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo...; chỉ đạo sau giám sát, kiểm tra, kiểm toán                           |
| 12        | Các tài liệu cụ thể khác theo yêu cầu   |

Số: /PTX-BC-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## TỜ TRÌNH

### Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả lương, thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/04/2018;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 của PTS Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả lương, thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2021, như sau:

#### **1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS:**

\* Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2021 tối đa được hưởng là: 1.468.320.000 đồng.

\* Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2021 tối đa được hưởng là: 480.320.000 đồng.  
(*Có phương án chi tiết trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2021 kèm theo*)

**2. Phương thức trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS Công ty năm 2021:** Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ Công ty năm 2022 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## TỜ TRÌNH

*V/v: Xin phê duyệt ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu và  
hợp đồng vận tải xăng dầu*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 12/4/2018;

- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Giám đốc Công ty đã đàm phán và hoàn thiện Hợp đồng nguyên tắc cung cấp mua bán xăng dầu và dịch vụ vận chuyển xăng dầu cho Tổng Công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex và xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Tên Hợp đồng: Hợp đồng mua bán xăng dầu và Hợp đồng vận tải xăng dầu;  
- Đơn vị bán: Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex (PTC);  
- Đơn vị mua: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;  
- Phạm vi công việc: Mua bán các mặt hàng xăng dầu; Vận chuyển xăng dầu từ các kho xăng dầu tới các Cửa hàng xăng dầu bán lẻ và các khách hàng bán buôn/đại lý/TNNQ/TNPP của các Công ty xăng dầu thành viên, Công ty xăng dầu Quân đội Lào, Công ty xăng dầu Quốc gia Lào và các khách hàng khác của Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Năm 2021;

- Tổng số lượng mua bán xăng dầu dự kiến: 65.410 m<sup>3</sup>;

- Tổng giá trị hợp đồng mua bán xăng dầu dự kiến: 868.943 Triệu đồng

- Tổng khối lượng vận chuyển xăng dầu dự kiến: 58.048.708 m<sup>3</sup>km;

- Tổng giá trị hợp đồng vận chuyển xăng dầu dự kiến: 101.662 Triệu đồng

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua hợp đồng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện ký kết hợp đồng trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty.

***Kính trình Đại hội!***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /PTXx-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



## TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Khoản a Điểm 1 Điều 36 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2018;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, cụ thể như sau:

### **1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:**

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2021;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

### **2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:**

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính

năm 2021 của Công ty và ủy quyền Hội Đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt CPA (An Viet)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA);
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM.BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**